

(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 131

Câu 1: Đây là một trong những phương hướng nhằm hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta?

- A. Đẩy mạnh phát triển tất cả các ngành công nghiệp.
- B. Cân đối tỉ trọng giữa nhóm A và nhóm B.
- C. Xây dựng một cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
- D. Tăng nhanh tỉ trọng các ngành công nghiệp nhóm A.

Câu 2: Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến là gì?

- A. Chất lượng sản phẩm chưa cao.
- B. Thuế xuất khẩu cao.
- C. Ít lợi nhuận và lợi nhuận chậm.
- D. Tỉ trọng hàng gia công lớn.

Câu 3: Vì sao kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng?

- A. Sự phát triển của nền kinh tế trong nước cùng những đổi mới trong cơ chế quản lí.
- B. Thị trường thế giới ngày càng mở rộng.
- C. Tăng cường nhập khẩu dây chuyền máy móc, thiết bị toàn bộ và hàng tiêu dùng.
- D. Đa dạng hoá các đối tượng tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu.

Câu 4: Cảng biển nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Nha Trang.
- B. Quy Nhơn.
- C. Chân Mây.
- D. Đà Nẵng.

Câu 5: Sự chuyển dịch trong ngành trồng trọt của vùng đồng bằng sông Hồng được thể hiện như thế nào?

- A. Giảm tỉ trọng cây lương thực, cây thực phẩm, tăng tỉ trọng cây ăn quả.
- B. Giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây ăn quả.
- C. Tăng tỉ trọng cây công nghiệp, giảm tỉ trọng cây thực phẩm và cây lương thực.
- D. Giảm tỉ trọng cây lương thực, cây thực phẩm, tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả.

Câu 6: Sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên ở nước ta là cơ sở để làm gì?

- A. Phát triển các ngành công nghiệp nhẹ.
- B. Phát triển các ngành công nghiệp nặng.
- C. Phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành đa dạng.
- D. Phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng.

Câu 7: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA
(Đơn vị: triệu KWH)

Năm	2010	2015	2017	2019	2020
Nhà nước	67 678	133 081	165 548	184202	190412
Ngoài Nhà nước	1 721	7 333	12 613	19713	24100
Đầu tư nước ngoài	22 323	17 535	13 432	23508	20898

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi sản lượng điện phát ra phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010-2020?

- A. Khu vực ngoài nhà nước tăng nhiều nhất.
- B. Khu vực nhà nước tăng ít nhất.
- C. Khu vực nhà nước tăng nhiều nhất.
- D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất.

Câu 8: Cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất nước ta sẽ được xây dựng tại khu vực nào?

- A. Vịnh Dung Quất (Quảng Ngãi).
- B. Vịnh Xuân Đài (Phú Yên).
- C. Vịnh Vân Phong (Khánh Hòa).
- D. Vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa).

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 1A **không** đi qua thành phố

nào sau đây?

A. Thanh Hóa.

B. Biên Hòa.

C. Hòa Bình.

D. Cần Thơ.

Câu 10: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Năm	2010	2014	2018	2020
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,1	42,0	48,4
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	13,4	14,0	11,5
Điện (tỉ kWh)	91,7	141,3	209,2	235,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 – 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột.

B. Miền.

C. Kết hợp.

D. Tròn.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường biển trong nước quan trọng nhất nối Hải Phòng với nơi nào sau đây?

A. TP Hồ Chí Minh.

B. Đà Nẵng.

C. Cửa Lò.

D. Quy Nhơn.

Câu 12: Ba vùng có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 80% sản lượng của cả nước là vùng nào?

A. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ.

Câu 13: Ngành hàng không nước ta có những bước tiến rất nhanh chủ yếu do đâu?

A. Nguồn vốn đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của nước ngoài.

B. Hệ thống đào tạo phi công và nhân viên có chất lượng cao.

C. Phong cách phục vụ chuyên nghiệp.

D. Có chiến lược phát triển táo bạo và nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất.

Câu 14: Các đồng cỏ ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có độ cao trung bình bao nhiêu mét?

A. 500 - 700.

B. 700 - 800.

C. 500 - 600.

D. 600 - 700.

Câu 15: Dân tộc nào sau đây **không** thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Mường.

B. H'Mông.

C. Thái.

D. Chăm.

Câu 16: Ba cửa khẩu quan trọng nằm trên biên giới Việt - Trung theo thứ tự từ Đông sang Tây là gì?

A. Móng Cái, Lạng Sơn, Lào Cai.

B. Lạng Sơn, Lào Cai, Móng Cái.

C. Lào Cai, Móng Cái, Lạng Sơn.

D. Lạng Sơn, Móng Cái, Lào Cai.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?

A. Hải Phòng.

B. Thuận An.

C. Cửa Lò.

D. Ninh Bình.

Câu 18: Loại khoáng sản nào sau đây **không** có ở vùng biển Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Muối.

B. Cát thủy tinh.

C. Than bùn.

D. Dầu khí.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 3 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

A. Bắc Kạn.

B. Lạng Sơn.

C. Lào Cai.

D. Hà Giang.

Câu 20: Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của nước ta là gì?

A. Khoáng sản, công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp và nông, lâm, thủy sản.

B. Máy móc, thiết bị toàn bộ, sản phẩm luyện kim, thực phẩm và hàng tiêu dùng.

C. Sản phẩm công nghiệp ô tô, xe máy, thiết bị toàn bộ, điện tử dân dụng.

D. Sản phẩm luyện kim, máy móc, thiết bị toàn bộ, cơ khí và thực phẩm.

Câu 21: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG NÔNG SẢN CỦA NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2015-2020

(Đơn vị: triệu USD)

Năm	2015	2017	2018	2019	2020
Cà phê	2671,0	3500,6	3536,4	2863,8	2741,0
Chè	217,2	232,9	227,2	242,2	217,7
Gạo	2796,3	2633,5	3060,2	2806,4	3120,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi giá trị xuất khẩu một số nông sản của nước ta, giai đoạn 2015-2020?

A. Gạo tăng nhanh nhất.

B. Cà phê tăng liên tục.

C. Chè tăng nhanh nhất.

D. Cà phê tăng nhiều nhất.

Câu 22: Đường Hồ Chí Minh có vai trò gì?

A. Giúp phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh có đường Hồ Chí Minh trong chiến tranh chống Mỹ đi qua.

B. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho dải đất phía tây của Tổ quốc.

C. Giảm bớt sự chênh lệch trình độ phát triển giữa miền núi và đồng bằng.

D. Thay thế quốc lộ 1 đã lạc hậu, xuống cấp và nhiều tai nạn giao thông.

Câu 23: Tài nguyên du lịch nhân văn ở đồng bằng sông Hồng đa dạng và phong phú, tập trung nhiều là gì?

A. Di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống.

B. Lễ hội, các di tích lịch sử.

C. Làng nghề truyền thống, lễ hội.

D. Các di tích lịch sử - văn hóa.

Câu 24: Khu vực nào hiện chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp của nước ta?

A. Quốc doanh.

B. Có vốn đầu tư nước ngoài.

C. Tư nhân và cá thể.

D. Tập thể.

Câu 25: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN MỘT SỐ QUỐC GIA

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	2010	2013	2020
Ma-lai-xi-a	24319	25613	26211
Việt Nam	4695	7464	17171
Xin-ga-po	11095	15406	18969

(Nguồn: Thống kê từ Hiệp hội du lịch Đông Nam Á, <https://data.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh số lượt khách quốc tế đến một số quốc gia, giai đoạn 2010 – 2020?

A. Xin-ga-po tăng nhiều hơn Việt Nam.

B. Việt Nam có tốc độ tăng nhanh nhất.

C. Ma-lai-xi-a thấp hơn Việt Nam.

D. Xin-ga-po cao hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 26: Sự hiện đại trong ngành viễn thông nước ta thể hiện qua đặc điểm nào?

A. Sử dụng kỹ thuật analog.

B. Điện thoại đã đến được hầu hết các xã trong cả nước.

C. Số lượng thuê bao điện thoại di động tăng nhanh.

D. Sử dụng mạng kỹ thuật số, truyền dẫn liên tỉnh bằng Viba và cáp quang với tiêu chuẩn cao.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tỉnh nào sau đây có 2 di sản văn hóa thế giới?

A. Quảng Ngãi.

B. Đà Nẵng.

C. Quảng Nam.

D. Thừa thiên - Huế.

Câu 28: Hiện nay, sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào đâu?

A. Sự phân bố các ngành sản xuất.

B. Sự phân bố các trung tâm thương mại, dịch vụ.

C. Sự phân bố dân cư.

D. Sự phân bố các tài nguyên du lịch.

Câu 29: Một số bãi biển nổi tiếng của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là gì?

A. Cát Bà, Mũi Né, Lăng Cô, Nha Trang, Mỹ Khê, Vũng Tàu.

B. Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Nha Trang, Cà Ná, Mũi Né.

C. Cửa Lò, Nhật Lệ, Cà Ná, Sa Huỳnh, Nha Trang, Vũng Tàu.

D. Sầm Sơn, Thiên Cầm, Nhật Lệ, Cà Ná, Nha Trang, Vũng Tàu.

Câu 30: Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển kinh tế-xã hội của Trung du và miền núi Bắc Bộ là gì?

A. Nơi tập trung nhiều dân tộc ít người.

B. Khí hậu phân hóa phức tạp.

C. Lãnh thổ quá rộng.

D. Cơ sở hạ tầng kém phát triển.

Câu 31: Vì sao vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu?

A. Bờ biển có nhiều vũng vịnh, thềm lục địa sâu, ít bị sa bồi.

B. Có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ.

C. Có nền kinh tế phát triển nhanh nên nhu cầu vận tải lớn.

D. Có nhiều vũng vịnh rộng.

Câu 32: Việc đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng phải gắn liền với điều gì?

A. Vùng đất phù sa ngoài đê được bồi tụ hàng năm. B. Vùng đông dân, sức tiêu thụ lớn.

C. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. D. Công nghiệp chế biến sau khai thác.

Câu 33: Ngành kinh tế có vai trò quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nước ta là ngành nào?

A. Thương mại.

B. Bảo hiểm công.

C. Tài chính, ngân hàng.

D. Giao thông và thông tin liên lạc.

Câu 34: Mặt hàng nào sau đây **không** phải là mặt hàng xuất khẩu của nước ta?

A. Tư liệu sản xuất (máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu).

B. Hàng nông - lâm - thủy sản.

C. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản.

D. Hàng thủ công nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

Câu 35: Loại hình giao thông vận tải nào có khối lượng hàng hoá luân chuyển lớn nhất ở nước ta?

A. Đường sông.

B. Đường hàng không.

C. Đường bộ.

D. Đường biển.

Câu 36: Tại sao ở đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống?

A. Do có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống.

B. Do chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.

C. Do có lịch sử khai thác lâu đời với nền sản xuất phát triển.

D. Do nền kinh tế phát triển nhanh.

Câu 37: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG MỘT SỐ TỈNH NĂM 2021

Tỉnh	Kiên Giang	Cà Mau	Bạc Liêu	Sóc Trăng
Diện tích nuôi trồng thủy sản (nghìn ha)	183,6	287,0	144,5	72,3
Sản lượng thủy sản nuôi trồng (nghìn tấn)	284,6	368,2	269,3	255,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích nuôi trồng thủy sản và sản lượng thủy sản nuôi trồng của một số tỉnh nước ta năm 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Kết hợp.

B. Miền.

C. Cột.

D. Tròn.

Câu 38: Trung tâm công nghiệp nào **không** thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Nam Định.

B. Hạ Long.

C. Thái Nguyên.

D. Việt Trì.

Câu 39: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta hiện nay là gì?

A. Tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước và công nghiệp chế biến; giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

B. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến; giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác và công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.

C. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp khai thác; giảm tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.

D. Tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước và công nghiệp khai thác; giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.

Câu 40: Ý nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của vùng đồng bằng sông Hồng?

A. Giáp với Bắc Trung Bộ.

B. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm.

C. Giáp với Thượng Lào.

D. Giáp vịnh Bắc Bộ (Biển Đông).

----- **HẾT** -----

----- **HẾT** -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 132

Câu 1: Vì sao kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng?

- A. Thị trường thế giới ngày càng mở rộng.
- B. Tăng cường nhập khẩu dây chuyền máy móc, thiết bị toàn bộ và hàng tiêu dùng.
- C. Đa dạng hoá các đối tượng tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu.
- D. Sự phát triển của nền kinh tế trong nước cùng những đổi mới trong cơ chế quản lí.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG MỘT SỐ TỈNH NĂM 2021

Tỉnh	Kiên Giang	Cà Mau	Bạc Liêu	Sóc Trăng
Diện tích nuôi trồng thủy sản (nghìn ha)	183,6	287,0	144,5	72,3
Sản lượng thủy sản nuôi trồng (nghìn tấn)	284,6	368,2	269,3	255,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích nuôi trồng thủy sản và sản lượng thủy sản nuôi trồng của một số tỉnh nước ta năm 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Cột.
- C. Tròn.
- D. Miền.

Câu 3: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta hiện nay là gì?

- A. Tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước và công nghiệp khai thác; giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.
- B. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến; giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác và công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.
- C. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp khai thác; giảm tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.
- D. Tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước và công nghiệp chế biến; giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

Câu 4: Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển kinh tế-xã hội của Trung du và miền núi Bắc Bộ là gì?

- A. Cơ sở hạ tầng kém phát triển.
- B. Nơi tập trung nhiều dân tộc ít người.
- C. Lãnh thổ quá rộng.
- D. Khí hậu phân hóa phức tạp.

Câu 5: Trung tâm công nghiệp nào **không** thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Việt Trì.
- B. Nam Định.
- C. Hạ Long.
- D. Thái Nguyên.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tỉnh nào sau đây có 2 di sản văn hóa thế giới?

- A. Quảng Nam.
- B. Thừa thiên - Huế.
- C. Quảng Ngãi.
- D. Đà Nẵng.

Câu 7: Loại hình giao thông vận tải nào có khối lượng hàng hoá luân chuyển lớn nhất ở nước ta?

- A. Đường hàng không.
- B. Đường biển.
- C. Đường bộ.
- D. Đường sông.

Câu 8: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA
(Đơn vị: triệu KWH)

Năm	2010	2015	2017	2019	2020
Nhà nước	67 678	133 081	165 548	184202	190412
Ngoài Nhà nước	1 721	7 333	12 613	19713	24100
Đầu tư nước ngoài	22 323	17 535	13 432	23508	20898

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi sản lượng điện phát ra phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010-2020?

- A. Khu vực nhà nước tăng ít nhất.
- B. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất.
- C. Khu vực nhà nước tăng nhiều nhất.
- D. Khu vực ngoài nhà nước tăng nhiều nhất.

Câu 9: Loại khoáng sản nào sau đây **không** có ở vùng biển Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Than bùn.
- B. Cát thủy tinh.
- C. Muối.
- D. Dầu khí.

Câu 10: Tài nguyên du lịch nhân văn ở đồng bằng sông Hồng đa dạng và phong phú, tập trung nhiều là gì?

- A. Di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống.
- B. Các di tích lịch sử - văn hóa.
- C. Lễ hội, các di tích lịch sử.
- D. Làng nghề truyền thống, lễ hội.

Câu 11: Mặt hàng nào sau đây **không** phải là mặt hàng xuất khẩu của nước ta?

- A. Hàng thủ công nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
- B. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản.
- C. Tư liệu sản xuất (máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu).
- D. Hàng nông - lâm - thủy sản.

Câu 12: Ý nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của vùng đồng bằng sông Hồng?

- A. Giáp vịnh Bắc Bộ (Biển Đông).
- B. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm.
- C. Giáp với Bắc Trung Bộ.
- D. Giáp với Thượng Lào.

Câu 13: Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG NÔNG SẢN CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2015-2020**
(Đơn vị: triệu USD)

Năm	2015	2017	2018	2019	2020
Cà phê	2671,0	3500,6	3536,4	2863,8	2741,0
Chè	217,2	232,9	227,2	242,2	217,7
Gạo	2796,3	2633,5	3060,2	2806,4	3120,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi giá trị xuất khẩu một số nông sản của nước ta, giai đoạn 2015-2020?

- A. Chè tăng nhanh nhất.
- B. Gạo tăng nhanh nhất.
- C. Cà phê tăng liên tục.
- D. Cà phê tăng nhiều nhất.

Câu 14: Cảng biển nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Đà Nẵng.
- B. Nha Trang.
- C. Chân Mây.
- D. Quy Nhơn.

Câu 15: Việc đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng phải gắn liền với điều gì?

- A. Vùng đông dân, sức tiêu thụ lớn.
- B. Vùng đất phù sa ngoài đê được bồi tụ hàng năm.
- C. Công nghiệp chế biến sau khai thác.
- D. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 16: Ba cửa khẩu quan trọng nằm trên biên giới Việt - Trung theo thứ tự từ Đông sang Tây là gì?

- A. Lào Cai, Móng Cái, Lạng Sơn.
- B. Lạng Sơn, Lào Cai, Móng Cái.
- C. Lạng Sơn, Móng Cái, Lào Cai.
- D. Móng Cái, Lạng Sơn, Lào Cai.

Câu 17: Đường Hồ Chí Minh có vai trò gì?

- A. Thay thế quốc lộ 1 đã lạc hậu, xuống cấp và nhiều tai nạn giao thông.
- B. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho dải đất phía tây của Tổ quốc.
- C. Giúp phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh có đường Hồ Chí Minh trong chiến tranh chống Mỹ đi qua.
- D. Giảm bớt sự chênh lệch trình độ phát triển giữa miền núi và đồng bằng.

Câu 18: Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của nước ta là gì?

- A. Sản phẩm luyện kim, máy móc, thiết bị toàn bộ, cơ khí và thực phẩm.
- B. Khoáng sản, công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp và nông, lâm, thủy sản.
- C. Máy móc, thiết bị toàn bộ, sản phẩm luyện kim, thực phẩm và hàng tiêu dùng.
- D. Sản phẩm công nghiệp ô tô, xe máy, thiết bị toàn bộ, điện tử dân dụng.

Câu 19: Một số bãi biển nổi tiếng của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là gì?

- A. Cửa Lò, Nhật Lệ, Cà Ná, Sa Huỳnh, Nha Trang, Vũng Tàu.
- B. Cát Bà, Mũi Né, Lăng Cô, Nha Trang, Mỹ Khê, Vũng Tàu.
- C. Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Nha Trang, Cà Ná, Mũi Né.
- D. Sầm Sơn, Thiên Cầm, Nhật Lệ, Cà Ná, Nha Trang, Vũng Tàu.

Câu 20: Các đồng cỏ ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có độ cao trung bình bao nhiêu mét?

- A. 700 - 800.
- B. 600 - 700.
- C. 500 - 700.
- D. 500 - 600.

Câu 21: Đầu là một trong những phương hướng nhằm hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta?

- A. Tăng nhanh tỉ trọng các ngành công nghiệp nhóm A.
- B. Xây dựng một cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
- C. Đẩy mạnh phát triển tất cả các ngành công nghiệp.
- D. Cân đối tỉ trọng giữa nhóm A và nhóm B.

Câu 22: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN MỘT SỐ QUỐC GIA
(Đơn vị: nghìn người)

Năm	2010	2013	2020
Ma-lai-xi-a	24319	25613	26211
Việt Nam	4695	7464	17171
Xin-ga-po	11095	15406	18969

(Nguồn: Thống kê từ Hiệp hội du lịch Đông Nam Á, <https://data.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh số lượt khách quốc tế đến một số quốc gia, giai đoạn 2010 – 2020?

- A. Ma-lai-xi-a thấp hơn Việt Nam.
- B. Xin-ga-po cao hơn Ma-lai-xi-a.
- C. Xin-ga-po tăng nhiều hơn Việt Nam.
- D. Việt Nam có tốc độ tăng nhanh nhất.

Câu 23: Ngành kinh tế có vai trò quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nước ta là ngành nào?

- A. Tài chính, ngân hàng.
- B. Thương mại.
- C. Giao thông và thông tin liên lạc.
- D. Bảo hiểm công.

Câu 24: Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến là gì?

- A. Tỉ trọng hàng gia công lớn.
- B. Ít lợi nhuận và lợi nhuận chậm.
- C. Thuế xuất khẩu cao.
- D. Chất lượng sản phẩm chưa cao.

Câu 25: Tại sao ở đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống?

- A. Do có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống.
- B. Do có lịch sử khai thác lâu đời với nền sản xuất phát triển.
- C. Do nền kinh tế phát triển nhanh.
- D. Do chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.

Câu 26: Sự hiện đại trong ngành viễn thông nước ta thể hiện qua đặc điểm nào?

- A. Sử dụng kỹ thuật analog.
- B. Điện thoại đã đến được hầu hết các xã trong cả nước.
- C. Sử dụng mạng kỹ thuật số, truyền dẫn liên tỉnh bằng Viba và cáp quang với tiêu chuẩn cao.
- D. Số lượng thuê bao điện thoại di động tăng nhanh.

Câu 27: Cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất nước ta sẽ được xây dựng tại khu vực nào?

- A. Vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa).
- B. Vịnh Xuân Đài (Phú Yên).
- C. Vịnh Dung Quất (Quảng Ngãi).
- D. Vịnh Vân Phong (Khánh Hòa).

Câu 28: Sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên ở nước ta là cơ sở để làm gì?

- A. Phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng.
- B. Phát triển các ngành công nghiệp nặng.
- C. Phát triển các ngành công nghiệp nhẹ.
- D. Phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành đa dạng.

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 1A **không** đi qua thành phố nào sau đây?

- A. Biên Hòa.
- B. Cần Thơ.
- C. Hòa Bình.
- D. Thanh Hóa.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?

- A. Hải Phòng.
- B. Ninh Bình.
- C. Thuận An.
- D. Cửa Lò.

Câu 31: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Năm	2010	2014	2018	2020
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,1	42,0	48,4
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	13,4	14,0	11,5
Điện (tỉ kWh)	91,7	141,3	209,2	235,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 – 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Cột. C. Miền. D. Kết hợp.

Câu 32: Sự chuyển dịch trong ngành trồng trọt của vùng đồng bằng sông Hồng được thể hiện như thế nào?

- A. Giảm tỉ trọng cây lương thực, cây thực phẩm, tăng tỉ trọng cây ăn quả.
B. Tăng tỉ trọng cây công nghiệp, giảm tỉ trọng cây thực phẩm và cây lương thực.
C. Giảm tỉ trọng cây lương thực, cây thực phẩm, tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả.
D. Giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây ăn quả.

Câu 33: Vì sao vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu?

- A. Có nền kinh tế phát triển nhanh nên nhu cầu vận tải lớn.
B. Có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ.
C. Có nhiều vũng vịnh rộng.
D. Bờ biển có nhiều vũng vịnh, thềm lục địa sâu, ít bị sa bồi.

Câu 34: Dân tộc nào sau đây **không** thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Mường. B. Chăm. C. H'Mông. D. Thái.

Câu 35: Ba vùng có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 80% sản lượng của cả nước là vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ.
B. Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
D. Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường biển trong nước quan trọng nhất nối Hải Phòng với nơi nào sau đây?

- A. Đà Nẵng. B. TP Hồ Chí Minh. C. Quy Nhơn. D. Cửa Lò.

Câu 37: Hiện nay, sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào đâu?

- A. Sự phân bố các ngành sản xuất. B. Sự phân bố các trung tâm thương mại, dịch vụ.
C. Sự phân bố dân cư. D. Sự phân bố các tài nguyên du lịch.

Câu 38: Ngành hàng không nước ta có những bước tiến rất nhanh chủ yếu do đâu?

- A. Nguồn vốn đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của nước ngoài.
B. Hệ thống đào tạo phi công và nhân viên có chất lượng cao.
C. Phong cách phục vụ chuyên nghiệp.
D. Có chiến lược phát triển táo bạo và nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất.

Câu 39: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 3 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Lạng Sơn. B. Lào Cai. C. Bắc Kạn. D. Hà Giang.

Câu 40: Khu vực nào hiện chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp của nước ta?

- A. Tập thể. B. Quốc doanh.
C. Có vốn đầu tư nước ngoài. D. Tư nhân và cá thể.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 133

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 1A **không** đi qua thành phố nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Biên Hòa. C. Cần Thơ. D. Hòa Bình.

Câu 2: Sự chuyển dịch trong ngành trồng trọt của vùng đồng bằng sông Hồng được thể hiện như thế nào?

- A. Giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây ăn quả.
B. Giảm tỉ trọng cây lương thực, cây thực phẩm, tăng tỉ trọng cây ăn quả.
C. Giảm tỉ trọng cây lương thực, cây thực phẩm, tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả.
D. Tăng tỉ trọng cây công nghiệp, giảm tỉ trọng cây thực phẩm và cây lương thực.

Câu 3: Khu vực nào hiện chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp của nước ta?

- A. Tư nhân và cá thể. B. Tập thể.
C. Quốc doanh. D. Có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN MỘT SỐ QUỐC GIA

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	2010	2013	2020
Ma-lai-xi-a	24319	25613	26211
Việt Nam	4695	7464	17171
Xin-ga-po	11095	15406	18969

(Nguồn: Thống kê từ Hiệp hội du lịch Đông Nam Á, <https://data.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh số lượt khách quốc tế đến một số quốc gia, giai đoạn 2010 – 2020?

- A. Việt Nam có tốc độ tăng nhanh nhất. B. Ma-lai-xi-a thấp hơn Việt Nam.
C. Xin-ga-po tăng nhiều hơn Việt Nam. D. Xin-ga-po cao hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 5: Việc đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng phải gắn liền với điều gì?

- A. Công nghiệp chế biến sau khai thác. B. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
C. Vùng đông dân, sức tiêu thụ lớn. D. Vùng đất phù sa ngoài đê được bồi tụ hàng năm.

Câu 6: Hiện nay, sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào đâu?

- A. Sự phân bố các trung tâm thương mại, dịch vụ. B. Sự phân bố các tài nguyên du lịch.
C. Sự phân bố các ngành sản xuất. D. Sự phân bố dân cư.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 3 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Lạng Sơn. B. Hà Giang. C. Bắc Kạn. D. Lào Cai.

Câu 8: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG MỘT SỐ TỈNH NĂM 2021

Tỉnh	Kiên Giang	Cà Mau	Bạc Liêu	Sóc Trăng
Diện tích nuôi trồng thủy sản (nghìn ha)	183,6	287,0	144,5	72,3
Sản lượng thủy sản nuôi trồng (nghìn tấn)	284,6	368,2	269,3	255,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích nuôi trồng thủy sản và sản lượng thủy sản nuôi trồng của một số tỉnh nước ta năm 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Miền. C. Tròn. D. Kết hợp.

Câu 9: Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển kinh tế-xã hội của Trung du và miền núi Bắc Bộ là gì?

A. Cơ sở hạ tầng kém phát triển.

B. Khí hậu phân hóa phức tạp.

C. Nơi tập trung nhiều dân tộc ít người.

D. Lãnh thổ quá rộng.

Câu 10: Sự hiện đại trong ngành viễn thông nước ta thể hiện qua đặc điểm nào?

A. Sử dụng kỹ thuật analog.

B. Số lượng thuê bao điện thoại di động tăng nhanh.

C. Sử dụng mạng kỹ thuật số, truyền dẫn liên tỉnh bằng Viba và cáp quang với tiêu chuẩn cao.

D. Điện thoại đã đến được hầu hết các xã trong cả nước.

Câu 11: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Năm	2010	2014	2018	2020
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,1	42,0	48,4
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	13,4	14,0	11,5
Điện (tỉ kWh)	91,7	141,3	209,2	235,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 – 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột.

B. Kết hợp.

C. Tròn.

D. Miền.

Câu 12: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta hiện nay là gì?

A. Tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước và công nghiệp chế biến; giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

B. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến; giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác và công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.

C. Tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước và công nghiệp khai thác; giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.

D. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp khai thác; giảm tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.

Câu 13: Loại khoáng sản nào sau đây **không** có ở vùng biển Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Muối.

B. Cát thủy tinh.

C. Than bùn.

D. Dầu khí.

Câu 14: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG NÔNG SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015-2020

(Đơn vị: triệu USD)

Năm	2015	2017	2018	2019	2020
Cà phê	2671,0	3500,6	3536,4	2863,8	2741,0
Chè	217,2	232,9	227,2	242,2	217,7
Gạo	2796,3	2633,5	3060,2	2806,4	3120,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi giá trị xuất khẩu một số nông sản của nước ta, giai đoạn 2015-2020?

A. Gạo tăng nhanh nhất.

B. Cà phê tăng nhiều nhất.

C. Chè tăng nhanh nhất.

D. Cà phê tăng liên tục.

Câu 15: Đây là một trong những phương hướng nhằm hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta?

A. Tăng nhanh tỉ trọng các ngành công nghiệp nhóm A.

B. Cân đối tỉ trọng giữa nhóm A và nhóm B.

C. Đẩy mạnh phát triển tất cả các ngành công nghiệp.

D. Xây dựng một cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

Câu 16: Mặt hàng nào sau đây **không** phải là mặt hàng xuất khẩu của nước ta?

A. Hàng nông - lâm - thủy sản.

B. Hàng thủ công nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

C. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản.

D. Tư liệu sản xuất (máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu).

Câu 17: Đường Hồ Chí Minh có vai trò gì?

A. Giúp phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh có đường Hồ Chí Minh trong chiến tranh chống Mỹ đi qua.

- B. Giảm bớt sự chênh lệch trình độ phát triển giữa miền núi và đồng bằng.
- C. Thay thế quốc lộ 1 đã lạc hậu, xuống cấp và nhiều tai nạn giao thông.
- D. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho dải đất phía tây của Tổ quốc.

Câu 18: Một số bãi biển nổi tiếng của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là gì?

- A. Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Nha Trang, Cà Ná, Mũi Né.
- B. Cửa Lò, Nhật Lệ, Cà Ná, Sa Huỳnh, Nha Trang, Vũng Tàu.
- C. Sầm Sơn, Thiên Cầm, Nhật Lệ, Cà Ná, Nha Trang, Vũng Tàu.
- D. Cát Bà, Mũi Né, Lăng Cô, Nha Trang, Mỹ Khê, Vũng Tàu.

Câu 19: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA
(Đơn vị: triệu KWH)

Năm	2010	2015	2017	2019	2020
Nhà nước	67 678	133 081	165 548	184202	190412
Ngoài Nhà nước	1 721	7 333	12 613	19713	24100
Đầu tư nước ngoài	22 323	17 535	13 432	23508	20898

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi sản lượng điện phát ra phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010-2020?

- A. Khu vực ngoài nhà nước tăng nhiều nhất.
- B. Khu vực nhà nước tăng nhiều nhất.
- C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất.
- D. Khu vực nhà nước tăng ít nhất.

Câu 20: Ba vùng có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 80% sản lượng của cả nước là vùng nào?

- A. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?

- A. Ninh Bình.
- B. Thuận An.
- C. Cửa Lò.
- D. Hải Phòng.

Câu 22: Tại sao ở đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống?

- A. Do có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống.
- B. Do có lịch sử khai thác lâu đời với nền sản xuất phát triển.
- C. Do nền kinh tế phát triển nhanh.
- D. Do chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.

Câu 23: Trung tâm công nghiệp nào **không** thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Việt Trì.
- B. Thái Nguyên.
- C. Nam Định.
- D. Hạ Long.

Câu 24: Vì sao kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng?

- A. Thị trường thế giới ngày càng mở rộng.
- B. Đa dạng hoá các đối tượng tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu.
- C. Sự phát triển của nền kinh tế trong nước cùng những đổi mới trong cơ chế quản lí.
- D. Tăng cường nhập khẩu dây chuyền máy móc, thiết bị toàn bộ và hàng tiêu dùng.

Câu 25: Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến là gì?

- A. Chất lượng sản phẩm chưa cao.
- B. Tỉ trọng hàng gia công lớn.
- C. Thuế xuất khẩu cao.
- D. Ít lợi nhuận và lợi nhuận chậm.

Câu 26: Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của nước ta là gì?

- A. Khoáng sản, công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp và nông, lâm, thủy sản.
- B. Máy móc, thiết bị toàn bộ, sản phẩm luyện kim, thực phẩm và hàng tiêu dùng.
- C. Sản phẩm công nghiệp ô tô, xe máy, thiết bị toàn bộ, điện tử dân dụng.
- D. Sản phẩm luyện kim, máy móc, thiết bị toàn bộ, cơ khí và thực phẩm.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tỉnh nào sau đây có 2 di sản văn hóa thế giới?

- A. Quảng Nam.
- B. Thừa thiên - Huế.
- C. Quảng Ngãi.
- D. Đà Nẵng.

Câu 28: Vì sao vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu?

- A. Có nền kinh tế phát triển nhanh nên nhu cầu vận tải lớn.

- B. Bờ biển có nhiều vũng vịnh, thêm lục địa sâu, ít bị sa bồi.
- C. Có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ.
- D. Có nhiều vũng vịnh rộng.

Câu 29: Ngành hàng không nước ta có những bước tiến rất nhanh chủ yếu do đâu?

- A. Phong cách phục vụ chuyên nghiệp.
- B. Hệ thống đào tạo phi công và nhân viên có chất lượng cao.
- C. Nguồn vốn đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của nước ngoài.
- D. Có chiến lược phát triển táo bạo và nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất.

Câu 30: Tài nguyên du lịch nhân văn ở đồng bằng sông Hồng đa dạng và phong phú, tập trung nhiều là gì?

- A. Làng nghề truyền thống, lễ hội.
- B. Di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống.
- C. Các di tích lịch sử - văn hóa.
- D. Lễ hội, các di tích lịch sử.

Câu 31: Cảng biển nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quy Nhơn.
- B. Nha Trang.
- C. Chân Mây.
- D. Đà Nẵng.

Câu 32: Ngành kinh tế có vai trò quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nước ta là ngành nào?

- A. Bảo hiểm công.
- B. Tài chính, ngân hàng.
- C. Thương mại.
- D. Giao thông và thông tin liên lạc.

Câu 33: Ý nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của vùng đồng bằng sông Hồng?

- A. Giáp vịnh Bắc Bộ (Biển Đông).
- B. Giáp với Bắc Trung Bộ.
- C. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm.
- D. Giáp với Thượng Lào.

Câu 34: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường biển trong nước quan trọng nhất nối Hải Phòng với nơi nào sau đây?

- A. TP Hồ Chí Minh.
- B. Cửa Lò.
- C. Quy Nhơn.
- D. Đà Nẵng.

Câu 35: Dân tộc nào sau đây **không** thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Mường.
- B. H'Mông.
- C. Chăm.
- D. Thái.

Câu 36: Ba cửa khẩu quan trọng nằm trên biên giới Việt - Trung theo thứ tự từ Đông sang Tây là gì?

- A. Móng Cái, Lạng Sơn, Lào Cai.
- B. Lạng Sơn, Móng Cái, Lào Cai.
- C. Lào Cai, Móng Cái, Lạng Sơn.
- D. Lạng Sơn, Lào Cai, Móng Cái.

Câu 37: Sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên ở nước ta là cơ sở để làm gì?

- A. Phát triển các ngành công nghiệp nặng.
- B. Phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành đa dạng.
- C. Phát triển các ngành công nghiệp nhẹ.
- D. Phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng.

Câu 38: Loại hình giao thông vận tải nào có khối lượng hàng hoá luân chuyển lớn nhất ở nước ta?

- A. Đường hàng không.
- B. Đường bộ.
- C. Đường biển.
- D. Đường sông.

Câu 39: Cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất nước ta sẽ được xây dựng tại khu vực nào?

- A. Vịnh Xuân Đài (Phú Yên).
- B. Vịnh Vân Phong (Khánh Hoà).
- C. Vịnh Cam Ranh (Khánh Hoà).
- D. Vịnh Dung Quất (Quảng Ngãi).

Câu 40: Các đồng cỏ ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có độ cao trung bình bao nhiêu mét?

- A. 500 - 700.
- B. 700 - 800.
- C. 600 - 700.
- D. 500 - 600.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 134

- Câu 1:** Các đồng cỏ ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có độ cao trung bình bao nhiêu mét?
A. 500 - 700. B. 600 - 700. C. 500 - 600. D. 700 - 800.
- Câu 2:** Một số bãi biển nổi tiếng của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là gì?
A. Sầm Sơn, Thiên Cầm, Nhật Lệ, Cà Ná, Nha Trang, Vũng Tàu.
B. Cửa Lò, Nhật Lệ, Cà Ná, Sa Huỳnh, Nha Trang, Vũng Tàu.
C. Cát Bà, Mũi Né, Lăng Cô, Nha Trang, Mỹ Khê, Vũng Tàu.
D. Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Nha Trang, Cà Ná, Mũi Né.
- Câu 3:** Sự chuyển dịch trong ngành trồng trọt của vùng đồng bằng sông Hồng được thể hiện như thế nào?
A. Giảm tỉ trọng cây lương thực, cây thực phẩm, tăng tỉ trọng cây ăn quả.
B. Tăng tỉ trọng cây công nghiệp, giảm tỉ trọng cây thực phẩm và cây lương thực.
C. Giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây ăn quả.
D. Giảm tỉ trọng cây lương thực, cây thực phẩm, tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả.
- Câu 4:** Loại hình giao thông vận tải nào có khối lượng hàng hoá luân chuyển lớn nhất ở nước ta?
A. Đường hàng không. B. Đường bộ. C. Đường sông. D. Đường biển.
- Câu 5:** Cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất nước ta sẽ được xây dựng tại khu vực nào?
A. Vịnh Vân Phong (Khánh Hoà). B. Vịnh Xuân Đài (Phú Yên).
C. Vịnh Dung Quất (Quảng Ngãi). D. Vịnh Cam Ranh (Khánh Hoà).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG NÔNG SẢN CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2015-2020**
(Đơn vị: triệu USD)

Năm	2015	2017	2018	2019	2020
Cà phê	2671,0	3500,6	3536,4	2863,8	2741,0
Chè	217,2	232,9	227,2	242,2	217,7
Gạo	2796,3	2633,5	3060,2	2806,4	3120,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi giá trị xuất khẩu một số nông sản của nước ta, giai đoạn 2015-2020?

- A. Gạo tăng nhanh nhất. B. Cà phê tăng liên tục.
C. Cà phê tăng nhiều nhất. D. Chè tăng nhanh nhất.
- Câu 7:** Tài nguyên du lịch nhân văn ở đồng bằng sông Hồng đa dạng và phong phú, tập trung nhiều là gì?
A. Di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống. B. Lễ hội, các di tích lịch sử.
C. Các di tích lịch sử - văn hóa. D. Làng nghề truyền thống, lễ hội.
- Câu 8:** Vì sao kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng?
A. Sự phát triển của nền kinh tế trong nước cùng những đổi mới trong cơ chế quản lí.
B. Đa dạng hoá các đối tượng tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu.
C. Thị trường thế giới ngày càng mở rộng.
D. Tăng cường nhập khẩu dây chuyền máy móc, thiết bị toàn bộ và hàng tiêu dùng.
- Câu 9:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 3 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?
A. Lào Cai. B. Hà Giang. C. Lạng Sơn. D. Bắc Kạn.
- Câu 10:** Ba cửa khẩu quan trọng nằm trên biên giới Việt - Trung theo thứ tự từ Đông sang Tây là gì?
A. Lào Cai, Móng Cái, Lạng Sơn. B. Lạng Sơn, Móng Cái, Lào Cai.
C. Móng Cái, Lạng Sơn, Lào Cai. D. Lạng Sơn, Lào Cai, Móng Cái.

Câu 11: Sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên ở nước ta là cơ sở để làm gì?

- A. Phát triển các ngành công nghiệp nặng.
- B. Phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành đa dạng.
- C. Phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng.
- D. Phát triển các ngành công nghiệp nhẹ.

Câu 12: Ngành hàng không nước ta có những bước tiến rất nhanh chủ yếu do đâu?

- A. Hệ thống đào tạo phi công và nhân viên có chất lượng cao.
- B. Có chiến lược phát triển táo bạo và nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất.
- C. Nguồn vốn đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của nước ngoài.
- D. Phong cách phục vụ chuyên nghiệp.

Câu 13: Ý nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của vùng đồng bằng sông Hồng?

- A. Giáp với Bắc Trung Bộ.
- B. Giáp với Thượng Lào.
- C. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm.
- D. Giáp vịnh Bắc Bộ (Biển Đông).

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tỉnh nào sau đây có 2 di sản văn hóa thế giới?

- A. Quảng Ngãi.
- B. Quảng Nam.
- C. Thừa thiên - Huế.
- D. Đà Nẵng.

Câu 15: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG MỘT SỐ TỈNH NĂM 2021

Tỉnh	Kiên Giang	Cà Mau	Bạc Liêu	Sóc Trăng
Diện tích nuôi trồng thủy sản (nghìn ha)	183,6	287,0	144,5	72,3
Sản lượng thủy sản nuôi trồng (nghìn tấn)	284,6	368,2	269,3	255,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích nuôi trồng thủy sản và sản lượng thủy sản nuôi trồng của một số tỉnh nước ta năm 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Cột.
- C. Kết hợp.
- D. Miền.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?

- A. Cửa Lò.
- B. Thuận An.
- C. Ninh Bình.
- D. Hải Phòng.

Câu 17: Khu vực nào hiện chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp của nước ta?

- A. Tư nhân và cá thể.
- B. Tập thể.
- C. Có vốn đầu tư nước ngoài.
- D. Quốc doanh.

Câu 18: Đường Hồ Chí Minh có vai trò gì?

- A. Giúp phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh có đường Hồ Chí Minh trong chiến tranh chống Mỹ đi qua.
- B. Giảm bớt sự chênh lệch trình độ phát triển giữa miền núi và đồng bằng.
- C. Thay thế quốc lộ 1 đã lạc hậu, xuống cấp và nhiều tai nạn giao thông.
- D. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho dải đất phía tây của Tổ quốc.

Câu 19: Trung tâm công nghiệp nào **không** thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Nam Định.
- B. Việt Trì.
- C. Thái Nguyên.
- D. Hạ Long.

Câu 20: Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của nước ta là gì?

- A. Máy móc, thiết bị toàn bộ, sản phẩm luyện kim, thực phẩm và hàng tiêu dùng.
- B. Khoáng sản, công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp và nông, lâm, thủy sản.
- C. Sản phẩm luyện kim, máy móc, thiết bị toàn bộ, cơ khí và thực phẩm.
- D. Sản phẩm công nghiệp ô tô, xe máy, thiết bị toàn bộ, điện tử dân dụng.

Câu 21: Cảng biển nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quy Nhơn.
- B. Đà Nẵng.
- C. Nha Trang.
- D. Chân Mây.

Câu 22: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Năm	2010	2014	2018	2020
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,1	42,0	48,4
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	13,4	14,0	11,5
Điện (tỉ kWh)	91,7	141,3	209,2	235,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 – 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Kết hợp. C. Tròn. D. Cột.

Câu 23: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta hiện nay là gì?

- A. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp khai thác; giảm tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.
B. Tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước và công nghiệp chế biến; giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.
C. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến; giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác và công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.
D. Tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước và công nghiệp khai thác; giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.

Câu 24: Vì sao vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu?

- A. Bờ biển có nhiều vũng vịnh, thềm lục địa sâu, ít bị sa bồi.
B. Có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ.
C. Có nhiều vũng vịnh rộng.
D. Có nền kinh tế phát triển nhanh nên nhu cầu vận tải lớn.

Câu 25: Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến là gì?

- A. Tỉ trọng hàng gia công lớn. B. Thuế xuất khẩu cao.
C. Chất lượng sản phẩm chưa cao. D. Ít lợi nhuận và lợi nhuận chậm.

Câu 26: Đây là một trong những phương hướng nhằm hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta?

- A. Đẩy mạnh phát triển tất cả các ngành công nghiệp.
B. Cân đối tỉ trọng giữa nhóm A và nhóm B.
C. Xây dựng một cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
D. Tăng nhanh tỉ trọng các ngành công nghiệp nhóm A.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường biển trong nước quan trọng nhất nối Hải Phòng với nơi nào sau đây?

- A. Cửa Lò. B. TP Hồ Chí Minh. C. Đà Nẵng. D. Quy Nhơn.

Câu 28: Ba vùng có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm 80% sản lượng của cả nước là vùng nào?

- A. Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.
D. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 29: Ngành kinh tế có vai trò quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nước ta là ngành nào?

- A. Thương mại. B. Giao thông và thông tin liên lạc.
C. Tài chính, ngân hàng. D. Bảo hiểm công.

Câu 30: Việc đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng phải gắn liền với điều gì?

- A. Công nghiệp chế biến sau khai thác. B. Vùng đông dân, sức tiêu thụ lớn.
C. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. D. Vùng đất phù sa ngoài đê được bồi tụ hàng năm.

Câu 31: Loại khoáng sản nào sau đây **không** có ở vùng biển Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Cát thủy tinh. B. Muối. C. Than bùn. D. Dầu khí.

Câu 32: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 1A **không** đi qua thành phố nào sau đây?

- A. Hòa Bình. B. Thanh Hóa. C. Biên Hòa. D. Cần Thơ.

Câu 33: Sự hiện đại trong ngành viễn thông nước ta thể hiện qua đặc điểm nào?

- A. Sử dụng kỹ thuật analog.
B. Sử dụng mạng kỹ thuật số, truyền dẫn liên tỉnh bằng Viba và cáp quang với tiêu chuẩn cao.
C. Điện thoại đã đến được hầu hết các xã trong cả nước.
D. Số lượng thuê bao điện thoại di động tăng nhanh.

Câu 34: Mặt hàng nào sau đây **không** phải là mặt hàng xuất khẩu của nước ta?

- A. Hàng nông - lâm - thủy sản.
- B. Hàng thủ công nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
- C. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản.
- D. Tư liệu sản xuất (máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu).

Câu 35: Tại sao ở đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống?

- A. Do có lịch sử khai thác lâu đời với nền sản xuất phát triển.
- B. Do nền kinh tế phát triển nhanh.
- C. Do có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống.
- D. Do chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.

Câu 36: Dân tộc nào sau đây **không** thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Mường.
- B. Chăm.
- C. H'Mông.
- D. Thái.

Câu 37: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN MỘT SỐ QUỐC GIA

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	2010	2013	2020
Ma-lai-xi-a	24319	25613	26211
Việt Nam	4695	7464	17171
Xin-ga-po	11095	15406	18969

(Nguồn: Thống kê từ Hiệp hội du lịch Đông Nam Á, <https://data.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh số lượt khách quốc tế đến một số quốc gia, giai đoạn 2010 – 2020?

- A. Việt Nam có tốc độ tăng nhanh nhất.
- B. Ma-lai-xi-a thấp hơn Việt Nam.
- C. Xin-ga-po cao hơn Ma-lai-xi-a.
- D. Xin-ga-po tăng nhiều hơn Việt Nam.

Câu 38: Hiện nay, sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào đâu?

- A. Sự phân bố dân cư.
- B. Sự phân bố các trung tâm thương mại, dịch vụ.
- C. Sự phân bố các ngành sản xuất.
- D. Sự phân bố các tài nguyên du lịch.

Câu 39: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: triệu KWH)

Năm	2010	2015	2017	2019	2020
Nhà nước	67 678	133 081	165 548	184202	190412
Ngoài Nhà nước	1 721	7 333	12 613	19713	24100
Đầu tư nước ngoài	22 323	17 535	13 432	23508	20898

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi sản lượng điện phát ra phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010-2020?

- A. Khu vực nhà nước tăng nhiều nhất.
- B. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất.
- C. Khu vực ngoài nhà nước tăng nhiều nhất.
- D. Khu vực nhà nước tăng ít nhất.

Câu 40: Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển kinh tế-xã hội của Trung du và miền núi Bắc Bộ là gì?

- A. Khí hậu phân hóa phức tạp.
- B. Cơ sở hạ tầng kém phát triển.
- C. Nơi tập trung nhiều dân tộc ít người.
- D. Lãnh thổ quá rộng.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 160
ĐỀ HÒA NHẬP

Câu 1: Đặc điểm khí hậu của Đồng bằng sông Hồng có những nét tương đồng với vùng nào?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ. B. Vùng Bắc Trung Bộ.
C. Tiểu vùng Đông Bắc. D. Tiểu vùng Tây Bắc.

Câu 2: Các tỉnh thuộc vùng Tây Bắc của nước ta hiện nay là những tỉnh nào?

- A. Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Lào Cai. B. Lai Châu, Điện Biên, Hoà Bình, Yên Bái.
C. Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai. D. Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Sơn La.

Câu 3: Đặc điểm **không** đúng về vị trí địa lí của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là gì?

- A. Cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên.
B. Tiếp giáp với vùng trọng điểm sản xuất lương thực.
C. Giáp Biển Đông rộng lớn.
D. Cầu nối giữa Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.

Câu 4: Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh nổi bật về ngành gì?

- A. Hóa chất phân bón. B. Năng lượng.
C. Luyện kim màu. D. Luyện kim đen.

Câu 5: Đồng bằng sông Hồng là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước được thể hiện ở đặc điểm nào?

- A. Có những trung tâm công nghiệp nằm rất gần nhau.
B. Có tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp cao nhất trong các vùng.
C. Có các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất nước.
D. Tập trung nhiều các trung tâm công nghiệp nhất nước.

Câu 6: Thương hiệu nước mắm nào nổi tiếng trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Cát Hải. B. Long Hải. C. Phú Quốc. D. Phan Thiết.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 1A **không** đi qua thành phố nào sau đây?

- A. Cần Thơ. B. Hòa Bình. C. Thanh Hóa. D. Biên Hòa.

Câu 8: Các tuyến giao thông đường biển quan trọng nhất nước ta là tuyến nào?

- A. Các tuyến Bắc - Nam. B. Các tuyến nội bộ trong vịnh Thái Lan.
C. Các tuyến dọc duyên hải miền Trung. D. Các tuyến nội bộ trong vịnh Bắc Bộ.

Câu 9: Ý nào sau đây **không** phải là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.
B. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
C. Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.
D. Đẩy mạnh phát triển ở tất cả các ngành công nghiệp.

Câu 10: Ý nào sau đây **không** đúng với ngành nội thương của nước ta?

- A. Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
B. Bắc Trung Bộ là vùng buôn bán tập nập nhất.
C. Trong cả nước đã hình thành thị trường thống nhất.
D. Hàng hóa phong phú, đa dạng.

Câu 11: Công nghiệp khai thác khoáng sản là thế mạnh của vùng nào?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 12: Khu vực nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong hoạt động nội thương của nước ta?

- A. Tư nhân, cá thể. B. Tập thể. C. Nhà nước. D. Nước ngoài.

- Câu 13:** Tuyến đường nào được xem là xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta?
A. Đường 51. **B.** Đường 14.
C. Đường Hồ Chí Minh. **D.** Quốc lộ 1.
- Câu 14:** Các tỉnh/thành phố nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?
A. Ninh Thuận, Bình Thuận. **B.** Thừa Thiên - Huế, Lâm Đồng.
C. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi. **D.** Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà.
- Câu 15:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?
A. Thanh Thủy. **B.** Ba Bể. **C.** Xuân Sơn. **D.** Cát Bà.
- Câu 16:** Đầu là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp của Đồng bằng sông Hồng?
A. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.
B. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
C. Tăng tỉ trọng ngành thủy sản và trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.
D. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
- Câu 17:** Hạn chế lớn nhất trong phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng là gì?
A. Nguồn lao động dồi dào. **B.** Người dân có kinh nghiệm làm nông nghiệp.
C. Cơ sở vật chất - kĩ thuật chưa đồng bộ. **D.** Thiếu nguồn nguyên liệu.
- Câu 18:** Đặc điểm kinh tế - xã hội nào **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng?
A. Dân số tập trung đông nhất cả nước. **B.** Sản lượng lúa lớn nhất cả nước.
C. Năng suất lúa cao nhất cả nước. **D.** Có lịch sử khai thác lãnh thổ sớm nhất cả nước.
- Câu 19:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia Tràm Chim thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Cà Mau. **B.** Đồng Tháp. **C.** An Giang. **D.** Cần Thơ.
- Câu 20:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 3 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?
A. Bắc Kạn. **B.** Lạng Sơn. **C.** Lào Cai. **D.** Hà Giang.
- Câu 21:** Điều kiện tự nhiên gây khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển ngành giao thông của nước ta là gì?
A. Địa hình phân hóa phức tạp. **B.** Lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.
C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. **D.** Khí hậu diễn biến thất thường.
- Câu 22:** Nguyên nhân chủ yếu nào khiến giá các mặt hàng chế biến xuất khẩu của nước ta còn cao?
A. Các nước nhập khẩu đánh thuế rất cao. **B.** Chi phí vận tải và đầu tư máy móc cao.
C. Chất lượng lao động thấp. **D.** Phụ thuộc vào giá nguyên liệu nhập.
- Câu 23:** Ở trung du và miền núi Bắc Bộ, biện pháp nào đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường?
A. Trang bị kỹ thuật tiên tiến để khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
B. Chuyển một phần nương rẫy thành vườn cây ăn quả và cây công nghiệp.
C. Đẩy mạnh thâm canh cây lương thực cận ở những nơi có điều kiện thích hợp.
D. Phát triển giao thông vận tải lên các vùng dân tộc ít người.
- Câu 24:** Loại hình nào sau đây thuộc mạng phi thoại?
A. Mạng điện thoại nội hạt. **B.** Mạng điện thoại đường dài.
C. Mạng Fax. **D.** Mạng truyền dẫn Viba.
- Câu 25:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tỉnh nào sau đây có 2 di sản văn hóa thế giới?
A. Quảng Ngãi. **B.** Thừa thiên - Huế. **C.** Quảng Nam. **D.** Đà Nẵng.
- Câu 26:** Trong phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta, ngành được ưu tiên đi trước một bước là ngành nào?
A. Chế biến nông, lâm, thủy sản. **B.** Điện năng.
C. Khai thác và chế biến dầu khí. **D.** Sản xuất hàng tiêu dùng.
- Câu 27:** Khoáng sản nào có trữ lượng lớn ở vùng Tây Bắc nước ta?
A. Sắt, đồng. **B.** Chì.

C. Apatit.

D. Quặng đồng, ni ken.

Câu 28: Cây công nghiệp chủ lực của Trung du và miền núi Bắc Bộ là gì?

A. Thuốc lá.

B. Đậu tương.

C. Cà phê.

D. Chè.

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây thuộc cấp vùng?

A. TP. Hồ Chí Minh.

B. Cần Thơ.

C. Đà Nẵng.

D. Hà Nội.

Câu 30: Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là phần lãnh thổ không tách rời của hai tỉnh/thành phố thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ lần lượt là gì?

A. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hoà.

B. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Ngãi.

C. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam.

D. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Bình Định.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản văn hóa thế giới?

A. Phố cổ Hội An.

B. Phong Nha - Kẻ Bàng.

C. Vịnh Hạ Long.

D. Bến Ninh Kiều.

Câu 32: Vùng có tổng mức bán lẻ hàng hóa thấp nhất là vùng nào?

A. Tây Bắc.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Đông Bắc.

Câu 33: Vì sao từ những năm 90 (thế kỉ XX) trở lại đây, hoạt động nội thương đã trở nên nhộn nhịp?

A. Thay đổi hợp lí chính sách vĩ mô nhất là cơ chế quản lí.

B. Hàng hóa bên ngoài tràn ngập nước ta, nhất là hàng hóa Trung Quốc.

C. Cơ sở hạ tầng nhất là giao thông và điện nước được cải thiện.

D. Nâng cấp quy mô các chợ lớn trong cả nước.

Câu 34: Ngành nào sau đây **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm?

A. Vật liệu xây dựng.

B. Luyện kim.

C. Hóa chất.

D. Cơ khí và điện tử.

Câu 35: Tài nguyên du lịch nhân văn ở đồng bằng sông Hồng đa dạng và phong phú, tập trung nhiều là gì?

A. Các di tích lịch sử - văn hóa.

B. Di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống.

C. Làng nghề truyền thống, lễ hội.

D. Lễ hội, các di tích lịch sử.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?

A. Thuận An.

B. Ninh Bình.

C. Hải Phòng.

D. Cửa Lò.

Câu 37: Loại hình giao thông vận tải thuận lợi nhất để nước ta giao lưu với các nước trong khu vực Đông Nam Á là gì?

A. Đường hàng không.

B. Đường bộ.

C. Đường sông.

D. Đường biển.

Câu 38: Các ngành công nghiệp tiêu biểu của trung tâm công nghiệp Hải Phòng là gì?

A. Điện tử, đóng tàu, sản xuất ô tô.

B. Hóa chất, đóng tàu, luyện kim, điện tử, sản xuất ô tô.

C. Đóng tàu, luyện kim đen, hoá chất, khai thác khí đốt.

D. Điện tử, đóng tàu, vật liệu xây dựng, hoá chất, cơ khí.

Câu 39: Ý nào sau đây **không** đúng về nghề cá ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nhiều tôm cá và các loại hải sản khác.

B. Tỉnh/thành phố nào ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ cũng có bãi tôm, bãi cá.

C. Sản lượng cá biển chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng sản lượng thủy sản của vùng.

D. Các bãi tôm, bãi cá lớn nhất nằm ở các tỉnh phía Nam của vùng và ngư trường Hoàng Sa - Trường Sa.

Câu 40: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

A. Di tích Mỹ Sơn.

B. Cố đô Huế.

C. Vịnh Hạ Long.

D. Phố cổ Hội An.

----- **HẾT** -----

(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 141

Câu 1. Điều kiện tự nhiên gây khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển ngành giao thông của nước ta là gì?

- A. Khí hậu diễn biến thất thường. B. Lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.
C. Địa hình phân hóa phức tạp. D. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?

- A. Thanh Thủy. B. Cát Bà. C. Ba Bể. D. Xuân Sơn.

Câu 3. Ý nào sau đây **không** đúng với ngành nội thương của nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ là vùng buôn bán tập nập nhất.
B. Hàng hóa phong phú, đa dạng.
C. Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
D. Trong cả nước đã hình thành thị trường thống nhất.

Câu 4. Ngành nào sau đây **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm?

- A. Vật liệu xây dựng. B. Luyện kim.
C. Cơ khí và điện tử. D. Hóa chất.

Câu 5. Ý nào sau đây **không** phải là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Đẩy mạnh phát triển ở tất cả các ngành công nghiệp.
B. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
C. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.
D. Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.

Câu 6. Các tuyến giao thông đường biển quan trọng nhất nước ta là tuyến nào?

- A. Các tuyến Bắc - Nam. B. Các tuyến nội bộ trong vịnh Bắc Bộ.
C. Các tuyến dọc duyên hải miền Trung. D. Các tuyến nội bộ trong vịnh Thái Lan.

Câu 7. Thương hiệu nước mắm nào nổi tiếng trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phan Thiết. B. Phú Quốc. C. Long Hải. D. Cát Hải.

Câu 8. Khoáng sản nào có trữ lượng lớn ở vùng Tây Bắc nước ta?

- A. Sắt, đồng. B. Apatit.
C. Chì. D. Quặng đồng, ni ken.

Câu 9. Khu vực nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong hoạt động nội thương của nước ta?

- A. Tập thể. B. Tư nhân, cá thể. C. Nước ngoài. D. Nhà nước.

Câu 10. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2015	2017	2018	2019	2021
Đồng bằng sông Hồng	1110,9	1071,4	1040,8	1012,3	953,4
Đồng bằng sông Cửu Long	4301,5	4185,3	4107,5	4068,9	3893,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để so sánh tổng diện tích lúa của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Đường. C. Cột. D. Miền.

Câu 11. Ý nào sau đây **không** đúng về nghề cá ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Tỉnh/thành phố nào ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ cũng có bãi tôm, bãi cá.

B. Các bãi tôm, bãi cá lớn nhất nằm ở các tỉnh phía Nam của vùng và ngư trường Hoàng Sa - Trường Sa.

C. Biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nhiều tôm cá và các loại hải sản khác.

D. Sản lượng cá biển chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng sản lượng thủy sản của vùng.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia Tràm Chim thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Cà Mau.

B. Cần Thơ.

C. Đồng Tháp.

D. An Giang.

Câu 13. Ở trung du và miền núi Bắc Bộ, biện pháp nào đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường?

A. Trang bị kỹ thuật tiên tiến để khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

B. Phát triển giao thông vận tải lên các vùng dân tộc ít người.

C. Chuyển một phần nương rẫy thành vườn cây ăn quả và cây công nghiệp.

D. Đẩy mạnh thâm canh cây lương thực cận ở những nơi có điều kiện thích hợp.

Câu 14. Đầu là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp của Đồng bằng sông Hồng?

A. Tăng tỉ trọng ngành thủy sản và trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.

B. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.

C. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.

D. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.

Câu 15. Đặc điểm **không** đúng về vị trí địa lí của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là gì?

A. Giáp Biển Đông rộng lớn.

B. Tiếp giáp với vùng trọng điểm sản xuất lương thực.

C. Cầu nối giữa Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.

D. Cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên.

Câu 16. Hạn chế lớn nhất trong phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng là gì?

A. Cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa đồng bộ.

B. Người dân có kinh nghiệm làm nông nghiệp.

C. Thiếu nguồn nguyên liệu.

D. Nguồn lao động dồi dào.

Câu 17. Cây công nghiệp chủ lực của Trung du và miền núi Bắc Bộ là gì?

A. Chè.

B. Cà phê.

C. Đậu tương.

D. Thuốc lá.

Câu 18. Trong phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta, ngành được ưu tiên đi trước một bước là ngành nào?

A. Sản xuất hàng tiêu dùng.

B. Khai thác và chế biến dầu khí.

C. Chế biến nông, lâm, thủy sản.

D. Điện năng.

Câu 19. Công nghiệp khai thác khoáng sản là thế mạnh của vùng nào?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đông Nam Bộ.

D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 20. Đặc điểm khí hậu của Đồng bằng sông Hồng có những nét tương đồng với vùng nào?

A. Tiểu vùng Đông Bắc.

B. Vùng Bắc Trung Bộ.

C. Trung du miền núi Bắc Bộ.

D. Tiểu vùng Tây Bắc.

Câu 21. Đặc điểm kinh tế - xã hội nào **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng?

A. Sản lượng lúa lớn nhất cả nước.

B. Năng suất lúa cao nhất cả nước.

C. Có lịch sử khai thác lãnh thổ sớm nhất cả nước.

D. Dân số tập trung đông nhất cả nước.

Câu 22. Vì sao từ những năm 90 (thế kỉ XX) trở lại đây, hoạt động nội thương đã trở nên nhộn nhịp?

A. Hàng hóa bên ngoài tràn ngập nước ta, nhất là hàng hóa Trung Quốc.

B. Thay đổi hợp lí chính sách vĩ mô nhất là cơ chế quản lí.

C. Cơ sở hạ tầng nhất là giao thông và điện nước được cải thiện.

D. Nâng cấp quy mô các chợ lớn trong cả nước.

Câu 23. Loại hình nào sau đây thuộc mạng phi thoại?

A. Mạng truyền dẫn Viba.

B. Mạng điện thoại nội hạt.

C. Mạng điện thoại đường dài.

D. Mạng Fax.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản văn hóa thế giới?

A. Vịnh Hạ Long.

B. Phong Nha - Kẻ Bàng.

C. Bến Ninh Kiều.

D. Phố cổ Hội An.

Câu 25. Đồng bằng sông Hồng là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước được thể hiện ở đặc điểm nào?

- A. Có các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất nước.
- B. Có tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp cao nhất trong các vùng.
- C. Có những trung tâm công nghiệp nằm rất gần nhau.
- D. Tập trung nhiều các trung tâm công nghiệp nhất nước.

Câu 26. Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Đường sắt	Đường bộ	Đường sông hồ	Đường biển	Đường hàng không
2015	1151895,7	6707,0	882628,4	201530,7	60800,2	229,6
2017	1383212,9	5611,0	1074450,9	232813,8	70019,2	3177,9
2020	1627713,0	5216,3	1307877,1	244708,2	69639,0	272,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta năm 2017 và 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Đường.
- C. Miền.
- D. Tròn.

Câu 27. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Chia ra		Giá trị xuất khẩu (triệu USD)
		Khai thác	Nuôi trồng	
2015	6582,1	3049,9	3532,2	6568,8
2017	7313,4	3420,5	3892,9	8349,2
2019	8270,2	3777,7	4492,5	8514,0
2020	8497,2	3863,7	4633,5	8412,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, Nhà xuất bản Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về hình hình sản xuất thủy sản của nước ta, giai đoạn 2015 - 2020?

- A. Sản lượng và giá trị xuất khẩu đều tăng.
- B. Tổng sản lượng giảm, giá trị xuất khẩu tăng.
- C. Sản lượng khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.
- D. Sản lượng khai thác giảm, nuôi trồng tăng.

Câu 28. Các ngành công nghiệp tiêu biểu của trung tâm công nghiệp Hải Phòng là gì?

- A. Đóng tàu, luyện kim đen, hoá chất, khai thác khí đốt.
- B. Điện tử, đóng tàu, sản xuất ô tô.
- C. Điện tử, đóng tàu, vật liệu xây dựng, hoá chất, cơ khí.
- D. Hóa chất, đóng tàu, luyện kim, điện tử, sản xuất ô tô.

Câu 29. Nguyên nhân chủ yếu nào khiến giá các mặt hàng chế biến xuất khẩu của nước ta còn cao?

- A. Phụ thuộc vào giá nguyên liệu nhập.
- B. Chi phí vận tải và đầu tư máy móc cao.
- C. Chất lượng lao động thấp.
- D. Các nước nhập khẩu đánh thuế rất cao.

Câu 30. Loại hình giao thông vận tải thuận lợi nhất để nước ta giao lưu với các nước trong khu vực Đông Nam Á là gì?

- A. Đường sông.
- B. Đường bộ.
- C. Đường biển.
- D. Đường hàng không.

Câu 31. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây thuộc cấp vùng?

- A. Hà Nội.
- B. Cần Thơ.
- C. TP. Hồ Chí Minh.
- D. Đà Nẵng.

Câu 32. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Vịnh Hạ Long. B. Cố đô Huế. C. Phố cổ Hội An. D. Di tích Mỹ Sơn.

Câu 33. Tuyến đường nào được xem là xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta?

- A. Đường 51. B. Quốc lộ 1.
C. Đường Hồ Chí Minh. D. Đường 14.

Câu 34. Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là phần lãnh thổ không tách rời của hai tỉnh/thành phố thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ lần lượt là gì?

- A. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hoà. B. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Bình Định.
C. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam. D. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Ngãi.

Câu 35. Các tỉnh/thành phố nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Ninh Thuận, Bình Thuận. B. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.
C. Thừa Thiên - Huế, Lâm Đồng. D. Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà.

Câu 36. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2015	2017	2018	2020
Dầu thô	83,4	476,5	2 746,8	3 777,9
Hóa chất	3 133,6	4 122,9	5 164,7	5 128,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng trị giá một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Đường. C. Tròn. D. Cột.

Câu 37. Vùng có tổng mức bán lẻ hàng hóa thấp nhất là vùng nào?

- A. Tây Nguyên. B. Đông Bắc. C. Bắc Trung Bộ. D. Tây Bắc.

Câu 38. Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh nổi bật về ngành gì?

- A. Hóa chất phân bón. B. Luyện kim đen.
C. Năng lượng. D. Luyện kim màu.

Câu 39. Các tỉnh thuộc vùng Tây Bắc của nước ta hiện nay là những tỉnh nào?

- A. Lai Châu, Điện Biên, Hoà Bình, Yên Bái.
B. Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Sơn La.
C. Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai.
D. Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Lào Cai.

Câu 40. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Năm	2010	2014	2018	2020
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,1	42,0	48,4
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	13,4	14,0	11,5
Điện (tỉ kWh)	91,7	141,3	209,2	235,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2010 - 2020?

- A. Sản lượng dầu giảm đều qua các thời kì. B. Sản lượng than sạch liên tục tăng nhanh.
C. Các sản phẩm có tốc độ tăng đồng đều. D. Sản lượng điện tăng nhanh qua các năm.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 142

Câu 1. Các tỉnh thuộc vùng Tây Bắc của nước ta hiện nay là những tỉnh nào?

- A. Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Lào Cai. B. Lai Châu, Điện Biên, Hoà Bình, Yên Bái.
C. Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai. D. Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Sơn La.

Câu 2. Loại hình giao thông vận tải thuận lợi nhất để nước ta giao lưu với các nước trong khu vực Đông Nam Á là gì?

- A. Đường sông. B. Đường biển. C. Đường bộ. D. Đường hàng không.

Câu 3. Điều kiện tự nhiên gây khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển ngành giao thông của nước ta là gì?

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. B. Lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.
C. Khí hậu diễn biến thất thường. D. Địa hình phân hóa phức tạp.

Câu 4. Ý nào sau đây **không** đúng với ngành nội thương của nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ là vùng buôn bán tập nập nhất.
B. Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
C. Hàng hóa phong phú, đa dạng.
D. Trong cả nước đã hình thành thị trường thống nhất.

Câu 5. Trong phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta, ngành được ưu tiên đi trước một bước là ngành nào?

- A. Điện năng. B. Sản xuất hàng tiêu dùng.
C. Khai thác và chế biến dầu khí. D. Chế biến nông, lâm, thủy sản.

Câu 6. Loại hình nào sau đây thuộc mạng phi thoại?

- A. Mạng Fax. B. Mạng truyền dẫn Viba.
C. Mạng điện thoại đường dài. D. Mạng điện thoại nội hạt.

Câu 7. Cây công nghiệp chủ lực của Trung du và miền núi Bắc Bộ là gì?

- A. Thuốc lá. B. Đậu tương. C. Cà phê. D. Chè.

Câu 8. Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là phần lãnh thổ không tách rời của hai tỉnh/thành phố thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ lần lượt là gì?

- A. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam. B. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Ngãi.
C. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Bình Định. D. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hoà.

Câu 9. Đặc điểm khí hậu của Đồng bằng sông Hồng có những nét tương đồng với vùng nào?

- A. Tiểu vùng Đông Bắc. B. Tiểu vùng Tây Bắc.
C. Vùng Bắc Trung Bộ. D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 10. Hạn chế lớn nhất trong phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng là gì?

- A. Người dân có kinh nghiệm làm nông nghiệp. B. Thiếu nguồn nguyên liệu.
C. Nguồn lao động dồi dào. D. Cơ sở vật chất - kĩ thuật chưa đồng bộ.

Câu 11. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Chia ra		Giá trị xuất khẩu (triệu USD)
		Khai thác	Nuôi trồng	
2015	6582,1	3049,9	3532,2	6568,8
2017	7313,4	3420,5	3892,9	8349,2
2019	8270,2	3777,7	4492,5	8514,0
2020	8497,2	3863,7	4633,5	8412,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, Nhà xuất bản Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về hình hình sản xuất thủy sản của nước ta, giai đoạn 2015 - 2020?

- A. Sản lượng khai thác giảm, nuôi trồng tăng.
- B. Sản lượng khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.
- C. Tổng sản lượng giảm, giá trị xuất khẩu tăng.
- D. Sản lượng và giá trị xuất khẩu đều tăng.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây thuộc cấp vùng?

- A. Cần Thơ.
- B. Đà Nẵng.
- C. TP. Hồ Chí Minh.
- D. Hà Nội.

Câu 13. Khoáng sản nào có trữ lượng lớn ở vùng Tây Bắc nước ta?

- A. Chì.
- B. Quặng đồng, ni ken.
- C. Sắt, đồng.
- D. Apatit.

Câu 14. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2015	2017	2018	2019	2021
Đồng bằng sông Hồng	1110,9	1071,4	1040,8	1012,3	953,4
Đồng bằng sông Cửu Long	4301,5	4185,3	4107,5	4068,9	3893,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để so sánh tổng diện tích lúa của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Cột.
- C. Miền.
- D. Tròn.

Câu 15. Đồng bằng sông Hồng là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước được thể hiện ở đặc điểm nào?

- A. Có các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất nước.
- B. Tập trung nhiều các trung tâm công nghiệp nhất nước.
- C. Có những trung tâm công nghiệp nằm rất gần nhau.
- D. Có tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp cao nhất trong các vùng.

Câu 16. Nguyên nhân chủ yếu nào khiến giá các mặt hàng chế biến xuất khẩu của nước ta còn cao?

- A. Các nước nhập khẩu đánh thuế rất cao.
- B. Phụ thuộc vào giá nguyên liệu nhập.
- C. Chi phí vận tải và đầu tư máy móc cao.
- D. Chất lượng lao động thấp.

Câu 17. Ở trung du và miền núi Bắc Bộ, biện pháp nào đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường?

- A. Phát triển giao thông vận tải lên các vùng dân tộc ít người.
- B. Chuyển một phần nương rẫy thành vườn cây ăn quả và cây công nghiệp.
- C. Trang bị kỹ thuật tiên tiến để khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. Đẩy mạnh thâm canh cây lương thực cận ở những nơi có điều kiện thích hợp.

Câu 18. Ý nào sau đây **không** đúng về nghề cá ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Các bãi tôm, bãi cá lớn nhất nằm ở các tỉnh phía Nam của vùng và ngư trường Hoàng Sa - Trường Sa.

- B. Tỉnh/thành phố nào ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ cũng có bãi tôm, bãi cá.
- C. Sản lượng cá biển chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng sản lượng thủy sản của vùng.
- D. Biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nhiều tôm cá và các loại hải sản khác.

Câu 19. Tuyến đường nào được xem là xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta?

- A. Đường 14.
- B. Đường 51.
- C. Quốc lộ 1.
- D. Đường Hồ Chí Minh.

Câu 20. Đặc điểm **không** đúng về vị trí địa lí của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là gì?

- A. Giáp Biển Đông rộng lớn.
- B. Cầu nối giữa Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.
- C. Cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên.

D. Tiếp giáp với vùng trọng điểm sản xuất lương thực.

Câu 21. Khu vực nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong hoạt động nội thương của nước ta?

- A. Tư nhân, cá thể. B. Nhà nước. C. Tập thể. D. Nước ngoài.

Câu 22. Đặc điểm kinh tế - xã hội nào **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng?

- A. Năng suất lúa cao nhất cả nước. B. Sản lượng lúa lớn nhất cả nước.
C. Dân số tập trung đông nhất cả nước. D. Có lịch sử khai thác lãnh thổ sớm nhất cả nước.

Câu 23. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia Tràm Chim thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Đồng Tháp. B. An Giang. C. Cà Mau. D. Cần Thơ.

Câu 24. Công nghiệp khai thác khoáng sản là thế mạnh của vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 25. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2015	2017	2018	2020
Dầu thô	83,4	476,5	2 746,8	3 777,9
Hóa chất	3 133,6	4 122,9	5 164,7	5 128,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng trị giá một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Tròn. C. Đường. D. Cột.

Câu 26. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản văn hóa thế giới?

- A. Phong Nha - Kẻ Bàng. B. Vịnh Hạ Long.
C. Phố cổ Hội An. D. Bến Ninh Kiều.

Câu 27. Các tỉnh/thành phố nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Ninh Thuận, Bình Thuận. B. Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa.
C. Thừa Thiên - Huế, Lâm Đồng. D. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Câu 28. Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh nổi bật về ngành gì?

- A. Luyện kim đen. B. Năng lượng.
C. Hóa chất phân bón. D. Luyện kim màu.

Câu 29. Các ngành công nghiệp tiêu biểu của trung tâm công nghiệp Hải Phòng là gì?

- A. Đóng tàu, luyện kim đen, hoá chất, khai thác khí đốt.
B. Điện tử, đóng tàu, vật liệu xây dựng, hoá chất, cơ khí.
C. Điện tử, đóng tàu, sản xuất ô tô.
D. Hóa chất, đóng tàu, luyện kim, điện tử, sản xuất ô tô.

Câu 30. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?

- A. Thanh Thủy. B. Cát Bà. C. Ba Bể. D. Xuân Sơn.

Câu 31. Ý nào sau đây **không** phải là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.
B. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
C. Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.
D. Đẩy mạnh phát triển ở tất cả các ngành công nghiệp.

Câu 32. Vì sao từ những năm 90 (thế kỉ XX) trở lại đây, hoạt động nội thương đã trở nên nhộn nhịp?

- A. Thay đổi hợp lí chính sách vĩ mô nhất là cơ chế quản lí.
B. Hàng hóa bên ngoài tràn ngập nước ta, nhất là hàng hóa Trung Quốc.
C. Cơ sở hạ tầng nhất là giao thông và điện nước được cải thiện.
D. Nâng cấp quy mô các chợ lớn trong cả nước.

Câu 33. Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA,

GIẢI ĐOẠN 2015 - 2020*(Đơn vị: nghìn tấn)*

Năm	Tổng số	Đường sắt	Đường bộ	Đường sông hồ	Đường biển	Đường hàng không
2015	1151895,7	6707,0	882628,4	201530,7	60800,2	229,6
2017	1383212,9	5611,0	1074450,9	232813,8	70019,2	3177,9
2020	1627713,0	5216,3	1307877,1	244708,2	69639,0	272,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta năm 2017 và 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Tròn. C. Cột. D. Đường.

Câu 34. Vùng có tổng mức bán lẻ hàng hóa thấp nhất là vùng nào?

- A. Tây Nguyên. B. Bắc Trung Bộ. C. Tây Bắc. D. Đông Bắc.

Câu 35. Thương hiệu nước mắm nào nổi tiếng trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Quốc. B. Cát Hải. C. Phan Thiết. D. Long Hải.

Câu 36. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Năm	2010	2014	2018	2020
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,1	42,0	48,4
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	13,4	14,0	11,5
Điện (tỉ kWh)	91,7	141,3	209,2	235,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2010 - 2020?

- A. Các sản phẩm có tốc độ tăng đồng đều.
B. Sản lượng điện tăng nhanh qua các năm.
C. Sản lượng than sạch liên tục tăng nhanh.
D. Sản lượng dầu giảm đều qua các thời kì.

Câu 37. Các tuyến giao thông đường biển quan trọng nhất nước ta là tuyến nào?

- A. Các tuyến nội bộ trong vịnh Bắc Bộ.
B. Các tuyến dọc duyên hải miền Trung.
C. Các tuyến Bắc - Nam.
D. Các tuyến nội bộ trong vịnh Thái Lan.

Câu 38. Ngành nào sau đây **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm?

- A. Cơ khí và điện tử. B. Hóa chất.
C. Vật liệu xây dựng. D. Luyện kim.

Câu 39. Đây là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
B. Tăng tỉ trọng ngành thủy sản và trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.
C. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
D. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.

Câu 40. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Di tích Mỹ Sơn. B. Vịnh Hạ Long. C. Phố cổ Hội An. D. Cố đô Huế.

----- HẾT -----*(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.**Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)*

(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 143

Câu 1. Ý nào sau đây **không** phải là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.
- B. Đẩy mạnh phát triển ở tất cả các ngành công nghiệp.
- C. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
- D. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

Câu 2. Các tỉnh/thành phố nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Ninh Thuận, Bình Thuận.
- B. Thừa Thiên - Huế, Lâm Đồng.
- C. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.
- D. Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà.

Câu 3. Khoáng sản nào có trữ lượng lớn ở vùng Tây Bắc nước ta?

- A. Sắt, đồng.
- B. Quặng đồng, ni ken.
- C. Chì.
- D. Apatit.

Câu 4. Ngành nào sau đây **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm?

- A. Vật liệu xây dựng.
- B. Hóa chất.
- C. Cơ khí và điện tử.
- D. Luyện kim.

Câu 5. Thương hiệu nước mắm nào nổi tiếng trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Cát Hải.
- B. Phú Quốc.
- C. Phan Thiết.
- D. Long Hải.

Câu 6. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Chia ra		Giá trị xuất khẩu (triệu USD)
		Khai thác	Nuôi trồng	
2015	6582,1	3049,9	3532,2	6568,8
2017	7313,4	3420,5	3892,9	8349,2
2019	8270,2	3777,7	4492,5	8514,0
2020	8497,2	3863,7	4633,5	8412,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, Nhà xuất bản Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về hình hình sản xuất thủy sản của nước ta, giai đoạn 2015 - 2020?

- A. Sản lượng và giá trị xuất khẩu đều tăng.
- B. Sản lượng khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.
- C. Sản lượng khai thác giảm, nuôi trồng tăng.
- D. Tổng sản lượng giảm, giá trị xuất khẩu tăng.

Câu 7. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2015	2017	2018	2019	2021
Đồng bằng sông Hồng	1110,9	1071,4	1040,8	1012,3	953,4
Đồng bằng sông Cửu Long	4301,5	4185,3	4107,5	4068,9	3893,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để so sánh tổng diện tích lúa của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Tròn.
- C. Miền.
- D. Cột.

Câu 8. Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Đường sắt	Đường bộ	Đường sông hồ	Đường biển	Đường hàng không
2015	1151895,7	6707,0	882628,4	201530,7	60800,2	229,6
2017	1383212,9	5611,0	1074450,9	232813,8	70019,2	3177,9
2020	1627713,0	5216,3	1307877,1	244708,2	69639,0	272,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta năm 2017 và 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Đường. C. Cột. D. Miền.

Câu 9. Đặc điểm khí hậu của Đồng bằng sông Hồng có những nét tương đồng với vùng nào?

- A. Vùng Bắc Trung Bộ. B. Tiểu vùng Tây Bắc.
C. Tiểu vùng Đông Bắc. D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 10. Trong phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta, ngành được ưu tiên đi trước một bước là ngành nào?

- A. Điện năng. B. Khai thác và chế biến dầu khí.
C. Chế biến nông, lâm, thủy sản. D. Sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 11. Đầu là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Tăng tỉ trọng ngành thủy sản và trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.
B. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
C. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
D. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.

Câu 12. Ý nào sau đây **không** đúng với ngành nội thương của nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ là vùng buôn bán tập nập nhất.
B. Trong cả nước đã hình thành thị trường thống nhất.
C. Hàng hóa phong phú, đa dạng.
D. Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

Câu 13. Các ngành công nghiệp tiêu biểu của trung tâm công nghiệp Hải Phòng là gì?

- A. Điện tử, đóng tàu, vật liệu xây dựng, hoá chất, cơ khí.
B. Điện tử, đóng tàu, sản xuất ô tô.
C. Đóng tàu, luyện kim đen, hoá chất, khai thác khí đốt.
D. Hóa chất, đóng tàu, luyện kim, điện tử, sản xuất ô tô.

Câu 14. Tuyến đường nào được xem là xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta?

- A. Đường Hồ Chí Minh. B. Quốc lộ 1.
C. Đường 14. D. Đường 51.

Câu 15. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2015	2017	2018	2020
Dầu thô	83,4	476,5	2 746,8	3 777,9
Hóa chất	3 133,6	4 122,9	5 164,7	5 128,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng trị giá một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Tròn. C. Miền. D. Đường.

Câu 16. Ở trung du và miền núi Bắc Bộ, biện pháp nào đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường?

- A. Phát triển giao thông vận tải lên các vùng dân tộc ít người.
B. Đẩy mạnh thâm canh cây lương thực cận ở những nơi có điều kiện thích hợp.

C. Trang bị kỹ thuật tiên tiến để khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

D. Chuyển một phần nương rẫy thành vườn cây ăn quả và cây công nghiệp.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản văn hóa thế giới?

A. Phố cổ Hội An.

B. Bến Ninh Kiều.

C. Vịnh Hạ Long.

D. Phong Nha - Kẻ Bàng.

Câu 18. Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là phần lãnh thổ không tách rời của hai tỉnh/thành phố thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ lần lượt là gì?

A. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hòa.

B. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam.

C. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Ngãi.

D. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Bình Định.

Câu 19. Các tỉnh thuộc vùng Tây Bắc của nước ta hiện nay là những tỉnh nào?

A. Lai Châu, Điện Biên, Hoà Bình, Yên Bái.

B. Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Sơn La.

C. Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Lào Cai.

D. Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai.

Câu 20. Công nghiệp khai thác khoáng sản là thế mạnh của vùng nào?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đông Nam Bộ.

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 21. Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh nổi bật về ngành gì?

A. Luyện kim màu.

B. Năng lượng.

C. Hóa chất phân bón.

D. Luyện kim đen.

Câu 22. Đặc điểm **không** đúng về vị trí địa lí của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là gì?

A. Giáp Biển Đông rộng lớn.

B. Cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên.

C. Tiếp giáp với vùng trọng điểm sản xuất lương thực.

D. Cầu nối giữa Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.

Câu 23. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Năm	2010	2014	2018	2020
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,1	42,0	48,4
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	13,4	14,0	11,5
Điện (tỉ kWh)	91,7	141,3	209,2	235,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2010 - 2020?

A. Sản lượng dầu giảm đều qua các thời kì.

B. Sản lượng than sạch liên tục tăng nhanh.

C. Các sản phẩm có tốc độ tăng đồng đều.

D. Sản lượng điện tăng nhanh qua các năm.

Câu 24. Loại hình nào sau đây thuộc mạng phi thoại?

A. Mạng điện thoại đường dài.

B. Mạng Fax.

C. Mạng điện thoại nội hạt.

D. Mạng truyền dẫn Viba.

Câu 25. Ý nào sau đây **không** đúng về nghề cá ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Các bãi tôm, bãi cá lớn nhất nằm ở các tỉnh phía Nam của vùng và ngư trường Hoàng Sa - Trường Sa.

B. Tỉnh/thành phố nào ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ cũng có bãi tôm, bãi cá.

C. Sản lượng cá biển chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng sản lượng thủy sản của vùng.

D. Biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nhiều tôm cá và các loại hải sản khác.

Câu 26. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia Tràm Chim thuộc tỉnh nào sau đây?

A. An Giang.

B. Cần Thơ.

C. Cà Mau.

D. Đồng Tháp.

Câu 27. Đồng bằng sông Hồng là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước được thể hiện ở đặc điểm nào?

A. Có tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp cao nhất trong các vùng.

B. Có các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất nước.

C. Có những trung tâm công nghiệp nằm rất gần nhau.

D. Tập trung nhiều các trung tâm công nghiệp nhất nước.

Câu 28. Điều kiện tự nhiên gây khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển ngành giao thông của nước ta là gì?

- A. Khí hậu diễn biến thất thường. B. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
C. Lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang. D. Địa hình phân hóa phức tạp.

Câu 29. Nguyên nhân chủ yếu nào khiến giá các mặt hàng chế biến xuất khẩu của nước ta còn cao?

- A. Các nước nhập khẩu đánh thuế rất cao.
B. Chất lượng lao động thấp.
C. Phụ thuộc vào giá nguyên liệu nhập.
D. Chi phí vận tải và đầu tư máy móc cao.

Câu 30. Vùng có tổng mức bán lẻ hàng hóa thấp nhất là vùng nào?

- A. Tây Bắc. B. Tây Nguyên. C. Đông Bắc. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 31. Đặc điểm kinh tế - xã hội nào **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng?

- A. Năng suất lúa cao nhất cả nước.
B. Sản lượng lúa lớn nhất cả nước.
C. Có lịch sử khai thác lãnh thổ sớm nhất cả nước.
D. Dân số tập trung đông nhất cả nước.

Câu 32. Khu vực nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong hoạt động nội thương của nước ta?

- A. Tư nhân, cá thể. B. Tập thể. C. Nhà nước. D. Nước ngoài.

Câu 33. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?

- A. Thanh Thủy. B. Ba Bể. C. Cát Bà. D. Xuân Sơn.

Câu 34. Cây công nghiệp chủ lực của Trung du và miền núi Bắc Bộ là gì?

- A. Thuốc lá. B. Chè. C. Cà phê. D. Đậu tương.

Câu 35. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Vịnh Hạ Long. B. Di tích Mỹ Sơn. C. Phố cổ Hội An. D. Cố đô Huế.

Câu 36. Hạn chế lớn nhất trong phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng là gì?

- A. Thiếu nguồn nguyên liệu.
B. Cơ sở vật chất - kĩ thuật chưa đồng bộ.
C. Người dân có kinh nghiệm làm nông nghiệp.
D. Nguồn lao động dồi dào.

Câu 37. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây thuộc cấp vùng?

- A. Cần Thơ. B. TP. Hồ Chí Minh. C. Hà Nội. D. Đà Nẵng.

Câu 38. Vì sao từ những năm 90 (thế kỉ XX) trở lại đây, hoạt động nội thương đã trở nên nhộn nhịp?

- A. Thay đổi hợp lí chính sách vĩ mô nhất là cơ chế quản lí.
B. Nâng cấp quy mô các chợ lớn trong cả nước.
C. Cơ sở hạ tầng nhất là giao thông và điện nước được cải thiện.
D. Hàng hóa bên ngoài tràn ngập nước ta, nhất là hàng hóa Trung Quốc.

Câu 39. Loại hình giao thông vận tải thuận lợi nhất để nước ta giao lưu với các nước trong khu vực Đông Nam Á là gì?

- A. Đường sông. B. Đường biển. C. Đường hàng không. D. Đường bộ.

Câu 40. Các tuyến giao thông đường biển quan trọng nhất nước ta là tuyến nào?

- A. Các tuyến nội bộ trong vịnh Bắc Bộ. B. Các tuyến nội bộ trong vịnh Thái Lan.
C. Các tuyến Bắc - Nam. D. Các tuyến dọc duyên hải miền Trung.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.
Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 144

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây thuộc cấp vùng?

- A. Đà Nẵng. B. Hà Nội. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Cần Thơ.

Câu 2. Đặc điểm **không** đúng về vị trí địa lí của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là gì?

- A. Giáp Biển Đông rộng lớn.
B. Cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên.
C. Cầu nối giữa Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.
D. Tiếp giáp với vùng trọng điểm sản xuất lương thực.

Câu 3. Cây công nghiệp chủ lực của Trung du và miền núi Bắc Bộ là gì?

- A. Cà phê. B. Đậu tương. C. Chè. D. Thuốc lá.

Câu 4. Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh nổi bật về ngành gì?

- A. Luyện kim màu. B. Năng lượng.
C. Hóa chất phân bón. D. Luyện kim đen.

Câu 5. Các ngành công nghiệp tiêu biểu của trung tâm công nghiệp Hải Phòng là gì?

- A. Đóng tàu, luyện kim đen, hoá chất, khai thác khí đốt.
B. Điện tử, đóng tàu, vật liệu xây dựng, hoá chất, cơ khí.
C. Hóa chất, đóng tàu, luyện kim, điện tử, sản xuất ô tô.
D. Điện tử, đóng tàu, sản xuất ô tô.

Câu 6. Trong phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta, ngành được ưu tiên đi trước một bước là ngành nào?

- A. Khai thác và chế biến dầu khí. B. Điện năng.
C. Sản xuất hàng tiêu dùng. D. Chế biến nông, lâm, thủy sản.

Câu 7. Thương hiệu nước mắm nào nổi tiếng trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Quốc. B. Phan Thiết. C. Long Hải. D. Cát Hải.

Câu 8. Tuyến đường nào được xem là xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta?

- A. Đường 51. B. Quốc lộ 1.
C. Đường Hồ Chí Minh. D. Đường 14.

Câu 9. Đồng bằng sông Hồng là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước được thể hiện ở đặc điểm nào?

- A. Có các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất nước.
B. Có tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp cao nhất trong các vùng.
C. Tập trung nhiều các trung tâm công nghiệp nhất nước.
D. Có những trung tâm công nghiệp nằm rất gần nhau.

Câu 10. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Chia ra		Giá trị xuất khẩu (triệu USD)
		Khai thác	Nuôi trồng	
2015	6582,1	3049,9	3532,2	6568,8
2017	7313,4	3420,5	3892,9	8349,2
2019	8270,2	3777,7	4492,5	8514,0
2020	8497,2	3863,7	4633,5	8412,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, Nhà xuất bản Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về hình hình sản xuất thủy sản của nước ta, giai đoạn 2015

- 2020?

- A. Sản lượng khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.
- B. Sản lượng và giá trị xuất khẩu đều tăng.
- C. Tổng sản lượng giảm, giá trị xuất khẩu tăng.
- D. Sản lượng khai thác giảm, nuôi trồng tăng.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Vịnh Hạ Long.
- B. Phố cổ Hội An.
- C. Cố đô Huế.
- D. Di tích Mỹ Sơn.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?

- A. Xuân Sơn.
- B. Cát Bà.
- C. Thanh Thủy.
- D. Ba Bể.

Câu 13. Đặc điểm kinh tế - xã hội nào **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng?

- A. Có lịch sử khai thác lãnh thổ sớm nhất cả nước.
- B. Năng suất lúa cao nhất cả nước.
- C. Dân số tập trung đông nhất cả nước.
- D. Sản lượng lúa lớn nhất cả nước.

Câu 14. Các tuyến giao thông đường biển quan trọng nhất nước ta là tuyến nào?

- A. Các tuyến nội bộ trong vịnh Bắc Bộ.
- B. Các tuyến dọc duyên hải miền Trung.
- C. Các tuyến nội bộ trong vịnh Thái Lan.
- D. Các tuyến Bắc - Nam.

Câu 15. Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là phần lãnh thổ không tách rời của hai tỉnh/thành phố thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ lần lượt là gì?

- A. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Ngãi.
- B. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam.
- C. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hoà.
- D. Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Bình Định.

Câu 16. Vì sao từ những năm 90 (thế kỉ XX) trở lại đây, hoạt động nội thương đã trở nên nhộn nhịp?

- A. Thay đổi hợp lí chính sách vĩ mô nhất là cơ chế quản lí.
- B. Hàng hóa bên ngoài tràn ngập nước ta, nhất là hàng hóa Trung Quốc.
- C. Nâng cấp quy mô các chợ lớn trong cả nước.
- D. Cơ sở hạ tầng nhất là giao thông và điện nước được cải thiện.

Câu 17. Loại hình nào sau đây thuộc mạng phi thoại?

- A. Mạng Fax.
- B. Mạng truyền dẫn Viba.
- C. Mạng điện thoại nội hạt.
- D. Mạng điện thoại đường dài.

Câu 18. Vùng có tổng mức bán lẻ hàng hóa thấp nhất là vùng nào?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Đông Bắc.
- C. Tây Nguyên.
- D. Tây Bắc.

Câu 19. Ý nào sau đây **không** đúng với ngành nội thương của nước ta?

- A. Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
- B. Hàng hóa phong phú, đa dạng.
- C. Bắc Trung Bộ là vùng buôn bán tập nập nhất.
- D. Trong cả nước đã hình thành thị trường thống nhất.

Câu 20. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021
(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2015	2017	2018	2019	2021
Đồng bằng sông Hồng	1110,9	1071,4	1040,8	1012,3	953,4
Đồng bằng sông Cửu Long	4301,5	4185,3	4107,5	4068,9	3893,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để so sánh tổng diện tích lúa của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Đường.
- C. Cột.
- D. Tròn.

Câu 21. Loại hình giao thông vận tải thuận lợi nhất để nước ta giao lưu với các nước trong khu vực Đông Nam Á là gì?

- A. Đường hàng không.
- B. Đường biển.
- C. Đường sông.
- D. Đường bộ.

Câu 22. Khoáng sản nào có trữ lượng lớn ở vùng Tây Bắc nước ta?

- A. Sắt, đồng.
- B. Chì.
- C. Apatit.
- D. Quặng đồng, ni ken.

Câu 23. Ở trung du và miền núi Bắc Bộ, biện pháp nào đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường?

- A. Phát triển giao thông vận tải lên các vùng dân tộc ít người.
- B. Đẩy mạnh thâm canh cây lương thực cận ở những nơi có điều kiện thích hợp.
- C. Trang bị kỹ thuật tiên tiến để khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. Chuyển một phần nương rẫy thành vườn cây ăn quả và cây công nghiệp.

Câu 24. Các tỉnh thuộc vùng Tây Bắc của nước ta hiện nay là những tỉnh nào?

- A. Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Sơn La.
- B. Lai Châu, Điện Biên, Hoà Bình, Yên Bái.
- C. Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Lào Cai.
- D. Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai.

Câu 25. Hạn chế lớn nhất trong phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng là gì?

- A. Cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa đồng bộ.
- B. Người dân có kinh nghiệm làm nông nghiệp.
- C. Thiếu nguồn nguyên liệu.
- D. Nguồn lao động dồi dào.

Câu 26. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang Du lịch, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản văn hóa thế giới?

- A. Vịnh Hạ Long.
- B. Bến Ninh Kiều.
- C. Phố cổ Hội An.
- D. Phong Nha - Kẻ Bàng.

Câu 27. Ý nào sau đây **không** phải là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Đẩy mạnh phát triển ở tất cả các ngành công nghiệp.
- B. Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.
- C. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
- D. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

Câu 28. Đặc điểm khí hậu của Đồng bằng sông Hồng có những nét tương đồng với vùng nào?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Vùng Bắc Trung Bộ.
- C. Tiểu vùng Tây Bắc.
- D. Tiểu vùng Đông Bắc.

Câu 29. Công nghiệp khai thác khoáng sản là thế mạnh của vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 30. Ngành nào sau đây **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm?

- A. Luyện kim.
- B. Hóa chất.
- C. Cơ khí và điện tử.
- D. Vật liệu xây dựng.

Câu 31. Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Đường sắt	Đường bộ	Đường sông hồ	Đường biển	Đường hàng không
2015	1151895,7	6707,0	882628,4	201530,7	60800,2	229,6
2017	1383212,9	5611,0	1074450,9	232813,8	70019,2	3177,9
2020	1627713,0	5216,3	1307877,1	244708,2	69639,0	272,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta năm 2017 và 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Cột.
- D. Đường.

Câu 32. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2015	2017	2018	2020
Dầu thô	83,4	476,5	2 746,8	3 777,9
Hóa chất	3 133,6	4 122,9	5 164,7	5 128,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng trị giá một số mặt hàng nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Đường. C. Tròn. D. Cột.

Câu 33. Ý nào sau đây **không** đúng về nghề cá ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Tỉnh/thành phố nào ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ cũng có bãi tôm, bãi cá.
B. Các bãi tôm, bãi cá lớn nhất nằm ở các tỉnh phía Nam của vùng và ngư trường Hoàng Sa - Trường Sa.
C. Biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nhiều tôm cá và các loại hải sản khác.
D. Sản lượng cá biển chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng sản lượng thủy sản của vùng.

Câu 34. Nguyên nhân chủ yếu nào khiến giá các mặt hàng chế biến xuất khẩu của nước ta còn cao?

- A. Phụ thuộc vào giá nguyên liệu nhập.
B. Chất lượng lao động thấp.
C. Các nước nhập khẩu đánh thuế rất cao.
D. Chi phí vận tải và đầu tư máy móc cao.

Câu 35. Điều kiện tự nhiên gây khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển ngành giao thông của nước ta là gì?

- A. Địa hình phân hóa phức tạp. B. Lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.
C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. D. Khí hậu diễn biến thất thường.

Câu 36. Khu vực nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong hoạt động nội thương của nước ta?

- A. Tập thể. B. Tư nhân, cá thể. C. Nước ngoài. D. Nhà nước.

Câu 37. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Năm	2010	2014	2018	2020
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,1	42,0	48,4
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	13,4	14,0	11,5
Điện (tỉ kWh)	91,7	141,3	209,2	235,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2010 - 2020?

- A. Các sản phẩm có tốc độ tăng đồng đều. B. Sản lượng dầu giảm đều qua các thời kì.
C. Sản lượng than sạch liên tục tăng nhanh. D. Sản lượng điện tăng nhanh qua các năm.

Câu 38. Các tỉnh/thành phố nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà. B. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.
C. Thừa Thiên - Huế, Lâm Đồng. D. Ninh Thuận, Bình Thuận.

Câu 39. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia Tràm Chim thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. An Giang. B. Cà Mau. C. Đồng Tháp. D. Cần Thơ.

Câu 40. Đầu là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.
B. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
C. Tăng tỉ trọng ngành thủy sản và trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.
D. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN THI: ĐỊA LÍ - KHỐI 12 - THỜI GIAN: 50 PHÚT

1. BAN KHXH

Mã đề 131

1.C	2.D	3.A	4.C	5.B	6.C	7.C	8.C	9.C	10.C
11.A	12.A	13.D	14.D	15.D	16.A	17.D	18.C	19.A	20.A
21.A	22.B	23.A	24.A	25.B	26.D	27.C	28.D	29.B	30.D
31.A	32.D	33.D	34.A	35.D	36.C	37.C	38.A	39.B	40.C

Mã đề 132

1.D	2.B	3.B	4.A	5.B	6.A	7.B	8.C	9.A	10.A
11.C	12.D	13.B	14.C	15.C	16.D	17.B	18.B	19.C	20.B
21.B	22.D	23.C	24.A	25.B	26.C	27.D	28.D	29.C	30.B
31.D	32.D	33.D	34.B	35.C	36.B	37.D	38.D	39.C	40.B

Mã đề 133

1.D	2.A	3.C	4.A	5.A	6.B	7.C	8.A	9.A	10.C
11.B	12.B	13.C	14.A	15.D	16.D	17.D	18.A	19.B	20.A
21.A	22.B	23.C	24.C	25.B	26.A	27.A	28.B	29.D	30.B
31.C	32.D	33.D	34.A	35.C	36.A	37.B	38.C	39.B	40.C

Mã đề 134

1.B	2.D	3.C	4.D	5.A	6.A	7.A	8.A	9.D	10.C
11.B	12.B	13.B	14.B	15.B	16.C	17.D	18.D	19.A	20.B
21.D	22.B	23.C	24.A	25.A	26.C	27.B	28.D	29.B	30.A
31.C	32.A	33.B	34.D	35.A	36.B	37.A	38.D	39.A	40.B

2. BAN KHTN**Mã đề 141**

1.C	2.B	3.A	4.B	5.A	6.A	7.A	8.D	9.B	10.C
11.D	12.C	13.C	14.B	15.B	16.C	17.A	18.D	19.D	20.A
21.A	22.B	23.D	24.D	25.D	26.D	27.A	28.C	29.B	30.C
31.B	32.A	33.B	34.A	35.C	36.B	37.D	38.C	39.B	40.D

Mã đề 142

1.D	2.B	3.D	4.A	5.A	6.A	7.D	8.D	9.A	10.B
11.D	12.A	13.B	14.B	15.B	16.C	17.B	18.C	19.C	20.D
21.A	22.B	23.A	24.C	25.C	26.C	27.C	28.B	29.B	30.B
31.D	32.A	33.B	34.C	35.C	36.B	37.C	38.D	39.A	40.B

Mã đề 143

1.B	2.B	3.B	4.D	5.C	6.A	7.D	8.A	9.C	10.A
11.C	12.A	13.A	14.B	15.D	16.D	17.A	18.A	19.B	20.C
21.B	22.C	23.D	24.B	25.C	26.D	27.D	28.D	29.D	30.A
31.B	32.A	33.C	34.B	35.A	36.A	37.A	38.A	39.B	40.C

Mã đề 144

1.D	2.D	3.C	4.B	5.B	6.B	7.B	8.B	9.C	10.B
11.A	12.B	13.D	14.D	15.C	16.A	17.A	18.D	19.C	20.C
21.B	22.D	23.D	24.A	25.C	26.C	27.A	28.D	29.C	30.A
31.B	32.B	33.D	34.D	35.A	36.B	37.D	38.C	39.C	40.D

ĐỀ HÒA NHẬP MÃ ĐỀ 160

1.C	2.D	3.B	4.B	5.D	6.D	7.B	8.A	9.D	10.B
11.A	12.A	13.D	14.B	15.D	16.B	17.D	18.B	19.B	20.A
21.A	22.B	23.B	24.C	25.C	26.B	27.D	28.D	29.B	30.A
31.A	32.A	33.A	34.B	35.B	36.B	37.D	38.D	39.C	40.C